



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

www.sotrans.com.vn

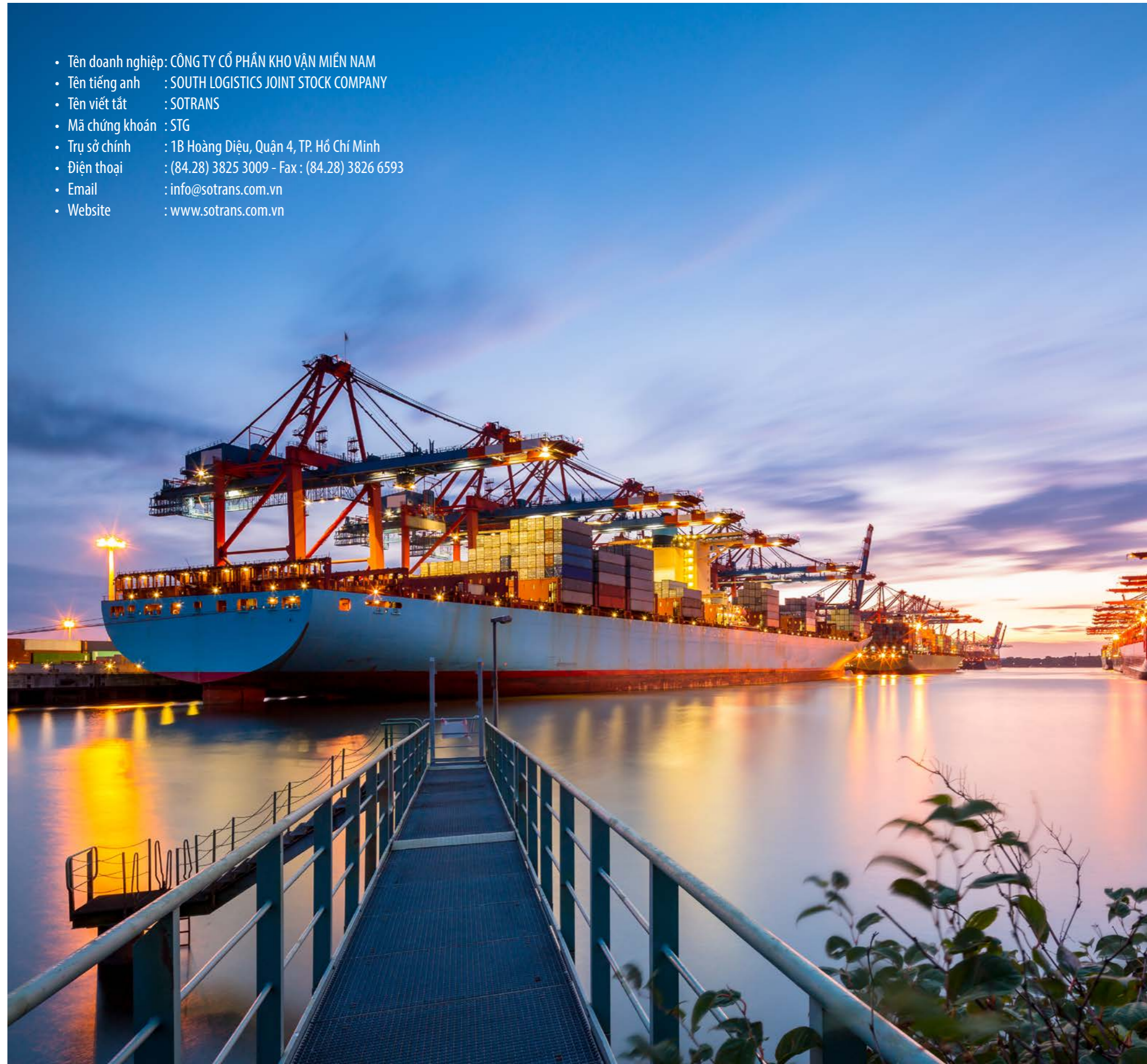
MỤC LỤC

- PHẦN I: GIỚI THIỆU VỀ SOTRANS.**
- PHẦN II: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.**
- PHẦN III: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH.**
- PHẦN IV: BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT.**
- PHẦN V: BÁO CÁO TÀI CHÍNH.**
- PHẦN VI: THÔNG TIN CỔ ĐÔNG.**



GIỚI THIỆU VỀ SOTRANS

- Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM
- Tên tiếng anh : SOUTH LOGISTICS JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt : SOTRANS
- Mã chứng khoán : STG
- Trụ sở chính : 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (84.28) 3825 3009 - Fax : (84.28) 3826 6593
- Email : info@sotrans.com.vn
- Website : www.sotrans.com.vn



CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM – SOTRANS được thành lập từ năm 1975 với hệ thống kho và vận chuyển chủ lực của ngành thương mại, đến năm 2007 SOTRANS chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần và đã hoạt động mạnh trong các lĩnh vực kho đa chức năng, kinh doanh xăng dầu, giao nhận vận tải quốc tế.

SOTRANS hiện đang là một trong những công ty hàng đầu trong ngành giao nhận vận tải quốc tế, giao nhận hàng hóa XNK và dịch vụ Kho đa chức năng tại Việt Nam. Trong năm 2010 Công ty tiếp tục phát triển hoạt động Cảng thông quan nội địa với tổng vốn đầu tư hơn 50 tỉ đồng nhằm hoàn thiện chuỗi dịch vụ logistics vốn đã được khẳng định qua uy tín thương hiệu Sotrans trên thị trường. Trong tương lai Công ty sẽ tiếp tục phát triển đa ngành với các hoạt động kinh doanh xăng dầu, đầu tư cảng, trung tâm phân phối, hậu cần, tiếp vận, trung tâm thương mại, khách sạn, văn phòng phức hợp (theo qui hoạch của thành phố và các tỉnh).

SOTRANS hiện có 2 khối và các bộ phận kinh doanh hoạt động trong các lĩnh vực giao nhận vận tải quốc tế, kho đa chức năng, kinh doanh xăng dầu. Công ty có hệ thống đại lý tại hơn 70 quốc gia trên thế giới, trong đó tập trung vào các thị trường lớn như Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc, EU... Với hệ thống đại lý mạnh ở các cảng lớn trên thế giới, có quan hệ mật thiết với các hãng tàu uy tín, các dịch vụ của công ty luôn đảm bảo đúng lịch trình với giá cước phù hợp, đáp ứng yêu cầu riêng của từng khách hàng.

Kinh doanh kho hiện là thế mạnh của SOTRANS với hệ thống kho ngoại quan và kho chứa hàng đa chức năng với hơn 40 năm kinh nghiệm. Hệ thống kho của SOTRANS hiện có hơn 230.000 m², nằm tại trung tâm TP. HCM, các khu vực lân cận và các khu công nghiệp tiếp giáp với sông Sài Gòn thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ lẫn đường sông.

SOTRANS được Hải quan TP.HCM công nhận là đại lý hải quan mẫu đầu tiên tại Việt Nam. Việc công nhận này cùng với chứng nhận đại lý hải quan điện tử do Hải quan TP.HCM cấp trước đó, SOTRANS có thể thay mặt chủ hàng ký tên, đóng dấu trên tờ khai hải quan, giải quyết các vấn đề phát sinh, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí thông quan hàng hóa cho khách hàng. Điều đó khẳng định tính chuyên nghiệp và trách nhiệm của SOTRANS trong dịch vụ khai báo hải quan.

Các dịch vụ của SOTRANS được bảo hiểm trách nhiệm toàn phần, góp phần hạn chế rủi ro cho khách hàng khi sự cố xảy ra. Thông tin về hàng hóa thường xuyên được cập nhật, với những khách hàng lớn, công ty cử cán bộ thường xuyên có mặt tại văn phòng của khách để giải quyết ngay nhu cầu mới phát sinh, được khách hàng tin cậy và đánh giá cao. SOTRANS đã được các tập đoàn đa quốc gia như Scavi, Cargil, Holcim, Uni-President, PepsiCo, Samsung, P&G, Colgate-Palmolive, FrieslandCampina, Texhong.. lựa chọn là nhà cung ứng dịch vụ giao nhận tại thị trường Việt Nam..

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH:

SOTRANS là một công ty đa ngành hoạt động trên nhiều lĩnh vực, trong đó các lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là dịch vụ kho, khai thác cảng ,dịch vụ logistics và kinh doanh xăng dầu.

Với hơn 40 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực logistics, SOTRANS cung ứng chuỗi dịch vụ logistics theo tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.





⇒ **Giai đoạn thành lập**

Ngày 14 tháng 10 năm 1975, công ty Kho Vận Cấp 1 – tiền thân của Công ty CP Kho Vận Miền Nam SOTRANS ngày nay – đã được thành lập trên cơ sở tiếp quản Kho Tồn Trữ Thủ Đức và Nha chuyển vận/ Nha bảo trì thuộc cơ quan tiếp vận trung ương của chính quyền Sài Gòn.

Nhiệm vụ chính của công ty tại thời điểm này là các hoạt động kho bãi, vận chuyển nội địa các mặt hàng nhu yếu phẩm trên tuyến đường Nam – Bắc, tham gia vào quá trình tái thiết đất nước sau thời gian chiến tranh, cũng như làm các nghĩa vụ Quốc tế đối với các nước bạn Lào và Campuchia.

Trong thời kỳ này, Công ty là đơn vị đầu ngành trong lĩnh vực kho bãi và vận chuyển nội thương, với hàng trăm xe tải, hàng ngàn tấn phương tiện vận tải ven biển và vận tải đường sông. Trong nhiều năm liền, Công ty đã liên tục hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước về kho bãi, giao nhận, vận chuyển Nam Bắc và các nghĩa vụ quốc tế.

⇒ **Giai đoạn hội nhập**

Nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung và cơ chế quan liêu bao cấp đã tạo ra không ít khó khăn cho công ty trong thời điểm này. Hàng hóa thiếu về số lượng và chất lượng, kho hàng để trống trong thời gian dài, thị trường vận tải trong nước cả đường bộ lẫn đường thủy đều sa sút. Công ty phải thanh lý hết các phương tiện vận tải: tàu bè, xà lan, đoàn xe tải... và tìm kiếm những giải pháp kinh doanh phù hợp hơn.

Năm 1990, Công ty thành lập Xí Nghiệp Kinh Doanh Thương Mại, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh dầu nhờn thương hiệu SOLUBE. Đây được xem là một hướng đi mới của Công ty sau khi thời kỳ kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp đã kết thúc.

Năm 1991 – bắt kịp những thay đổi của thị trường, Xí Nghiệp Vận Tải Giao Nhận Kiểm Kiện, sau đó là Liên doanh ShingViệt lần lượt ra đời.

⇒ **Giai đoạn phát triển**

Năm 1992 – SOTRANS INTERNATIONAL FREIGHT FORWARDERS (tiền thân của SOTRANS LOGISTICS ngày nay) bắt đầu đi vào hoạt động, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong lịch sử Công ty. SOTRANS giờ đây đã có hệ thống đại lý trên toàn thế giới.

Năm 1994 – Xí Nghiệp May 117 được thành lập, hoạt động trong lĩnh vực gia công may mặc xuất khẩu. Cũng trong giai đoạn này, Công ty Kho vận Miền Nam trở thành thành viên của các tổ chức như Phòng thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hiệp hội Giao nhận Kho vận Việt Nam (VIFFAS), Hiệp hội Vận tải Giao nhận quốc tế (FIATA).

Năm 2001, hệ thống quản lý chất lượng của SOTRANS đã được DNV – một trong những tổ chức quản lý chất lượng có uy tín nhất thế giới cấp chứng chỉ ISO 9001 phiên bản 2000.

Đến năm 2005, SOTRANS đã chính thức là thành viên của VCCI, VIFFAS (VLA), FIATA và IATA.

⇒ **Giai đoạn cổ phần hóa**

Năm 2007, SOTRANS chuyển đổi thành Công ty Cổ phần với tên mới là CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM và đoạt giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2009. Vào năm 2010, thành lập Xí nghiệp GNVT Quốc Tế Tiêu Điểm (SOTRANS Focus), Cảng Kho vận (SOTRANS ICD) và Xí nghiệp Vật Tư Xăng Dầu (SOTRANS Petrol). Nhân kỉ niệm 35 năm thành lập, SOTRANS vinh dự đón nhận Huân Chương Lao Động Hạng Nhất và đoạt giải thưởng Thương mại Dịch Vụ.

Hiện nay Công ty CP Kho Vận Miền Nam (SOTRANS) có đội ngũ trên 350 CB CNV, hoạt động trong các lĩnh vực: kinh doanh kho bãi, kinh doanh xăng dầu, dịch vụ giao nhận vận tải trong nước và quốc tế, cảng thông quan nội địa. SOTRANS có mạng lưới hoạt động cả nước, hệ thống đại lý giao nhận toàn cầu, cơ sở vật chất đủ đáp ứng nhu cầu khách hàng với hàng trăm ngàn m2 kho bãi cảng, các thiết bị bốc dỡ vận chuyển container và hàng hóa hiện đại. SOTRANS đã trở thành thương hiệu mạnh trong nước và quốc tế với tốc độ tăng trưởng hàng năm từ 20 đến 30%.



⇒ **Tầm nhìn:**

Top 3

Nhà cung cấp dịch vụ logistics Việt Nam.

⇒ **Sứ mạng:**

Cung cấp các giải pháp logistics hiệu quả nhất.

⇒ **Triết lý kinh doanh:**

Triết lý kinh doanh của SOTRANS được xây dựng trên nền tảng chính 4C hợp tác, sáng tạo, tương tác và thân thiện.

CREATIVE

Sáng tạo với sự khác biệt trong dịch vụ nhằm cung cấp những giải pháp đặc thù tốt nhất cho từng khách hàng.

COMMUNICATION

Thường xuyên liên lạc nhằm thoả mãn kịp thời các nhu cầu của khách hàng.

COOPERATION

Hợp tác chặt chẽ và cùng chia sẻ lợi ích.

CLOSELY

Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, gắn kết để cùng phát triển.



CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM (SOTRANS).

ĐC: 1B Hoàng Diệu, Q. 4, TP. HCM, Việt Nam.
ĐT: (84.28) 3825 3009 - Fax: (84.28) 3826 6593
Email: info@sotrans.com.vn - Website: www.sotrans.com.vn

KHO.

ĐC: 1B Hoàng Diệu, Q. 4, TP. HCM, Việt Nam.
ĐT: (84.28) 3826 9729 - Fax: (84.28) 3940 2566
Email: warehouse@sotrans.com.vn

Văn phòng Thủ Đức:

ĐC: Km 09, Xa lộ Hà Nội, Q. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam.
ĐT: (84.28) 3896 0967 - Fax: (84.28) 3896 0360
Email: info-pw@sotrans.com.vn

KHOI GIAO NHẬN.

ĐC: 1B Hoàng Diệu, Q. 4, TP. HCM, Việt Nam.
ĐT: (84.28) 3826 9727 - Fax: (84.28) 3940 2566
Email: logistics@sotrans.com.vn

KHOI CƯỚI QUỐC TẾ.

ĐC: 1B Hoàng Diệu, Q. 4, TP. HCM, Việt Nam.
ĐT: (84.28) 3940 0447 - Fax: (84.28) 3940 0122
Email: support@sotrans.com.vn

Văn phòng khu vực sân bay:

ĐC: Tòa nhà Tiên Phong, 24 Trường Sơn, P. 2, Q. Tân Bình, TP. HCM, Việt Nam.
ĐT: (84.28) 3547 0853 - Fax: (84.28) 3547 0852
Email: focus@sotrans.com.vn

KHOI CẢNG.

Cảng thông quan nội địa SOTRANS ICD.

ĐC: Km 9, Xa lộ Hà Nội, Q. Thủ Đức, TP. HCM, Việt Nam.
ĐT: (84.28) 3731 0033 - Fax: (84.28) 3728 3324
Email: icd@sotrans.com.vn

Cảng SOTRANS Long Bình.

ĐC: 1352/36 Nguyễn Xiển, P. Long Bình, Q. 9, TP. HCM, Việt Nam.
ĐT: (84.28) 3732 6062 - Fax: (84.28) 3732 6065
Email: info.lb@sotrans.com.vn

⇒ Các văn phòng chi nhánh:

HÀ NỘI:

Chi nhánh Công ty CP Kho Vận Miền Nam tại Hà Nội.
ĐC: 142 Đội Cấn, Q. Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam.
ĐT: (84.24) 3732 1118 - Fax: (84.24) 3732 1119
Email: info@sotranshanoi.com.vn

QUẢNG NINH:

Văn phòng Công ty CP Kho Vận Miền Nam tại Quảng Ninh.
ĐC: 28 Hòa Lạc, P. Hòa Lạc, Móng Cái, Quảng Ninh, Việt Nam.
ĐT: (84.28) 3826 9727 - Fax: (84.28) 3940 2566

HẢI PHÒNG:

Văn phòng Công ty CP Kho Vận Miền Nam tại Hải Phòng.
ĐC: 58 Trần Hưng Đạo, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
ĐT: (84.225) 355 5519 - Fax: (84.225) 355 5519

HÀ TĨNH:

Văn phòng Công ty CP Kho Vận Miền Nam tại Hà Tĩnh.
ĐC: Khu phố Độ Gỗ, P. Kỳ Thịnh, TX Kỳ Anh, Hà Tĩnh, Việt Nam.
ĐT: (84.239) 386 4658 - Fax: (84.239) 386 4859
Email: hatinh@sotrans.com.vn

NINH BÌNH:

Văn phòng Công ty CP Kho Vận Miền Nam tại Ninh Bình.
28 Nguyễn Tử Mẫn, Phố Hàn Thuyên, P. Nam Bình, TP. Ninh Bình.
ĐT: (84.28) 3826 9727 - Fax: (84.28) 3940 2566

ĐÀ NẴNG:

Văn phòng Công ty CP Kho Vận Miền Nam tại Đà Nẵng.
ĐC: Tầng 7, tòa nhà VIETRANSTIMEX, 80 - 82 Bạch Đằng, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng, Việt Nam.
ĐT: (84.236) 384 0929 - Fax: (84.236) 389 9919

BÌNH DƯƠNG:

Văn phòng Công ty CP Kho Vận Miền Nam tại Bình Dương.
ĐC: 08 Ngô Gia Tự, P. Chánh Nghĩa, Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam.
ĐT: (84.274) 383 4024 - Fax: (84.274) 383 4124

TÂY NINH:

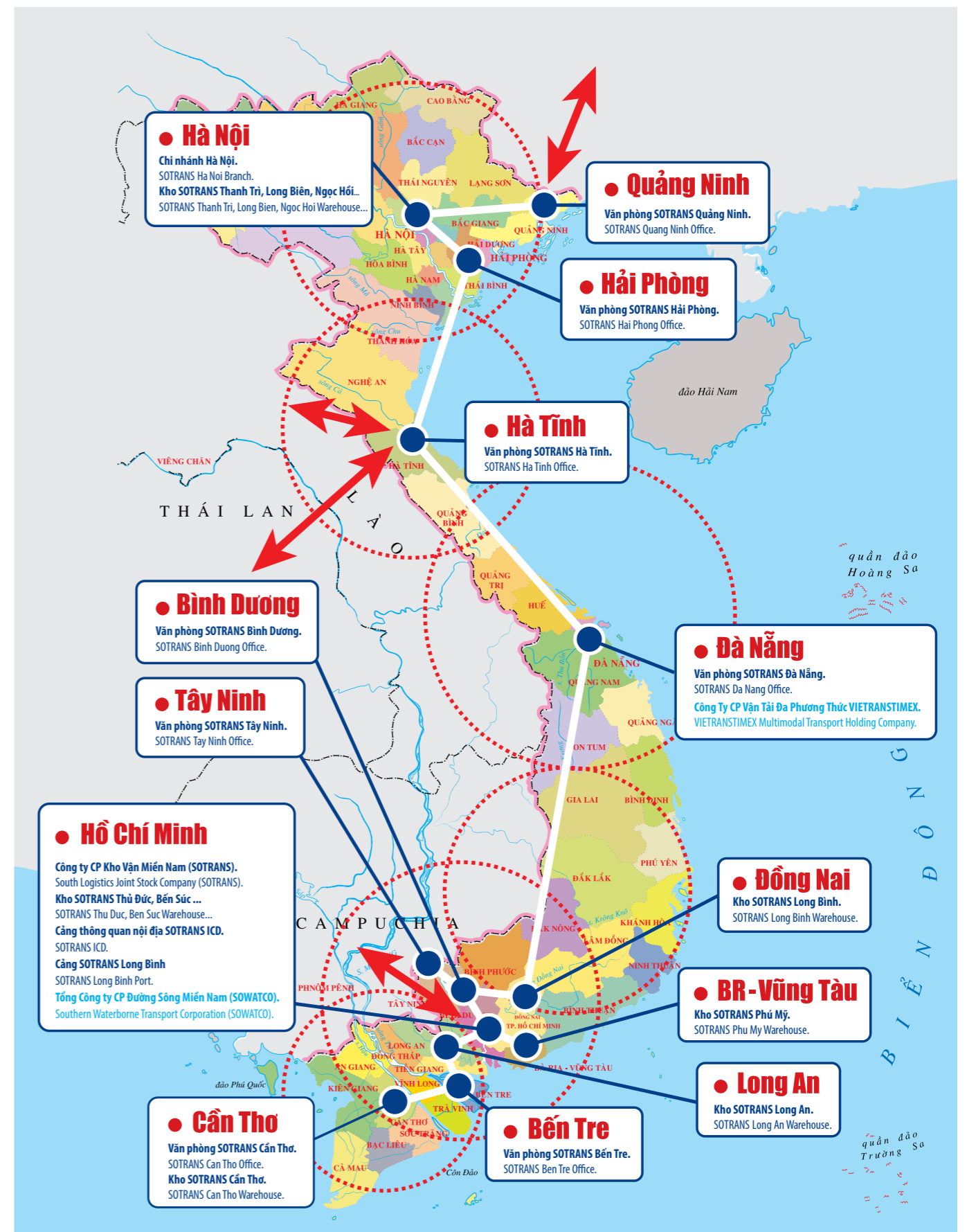
Văn phòng Công ty CP Kho Vận Miền Nam tại Tây Ninh.
ĐC: Xã Lợi Thuận, Huyện Bến Cầu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.
ĐT: (84.28) 3826 9727 - Fax: (84.28) 3940 2566

BẾN TRE:

Văn phòng Công ty CP Kho Vận Miền Nam tại Bến Tre.
ĐC: Xã Tân Thạch, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam.
ĐT: (84.275) 361 1333 - Fax: (84.275) 361 1333

CẦN THƠ:

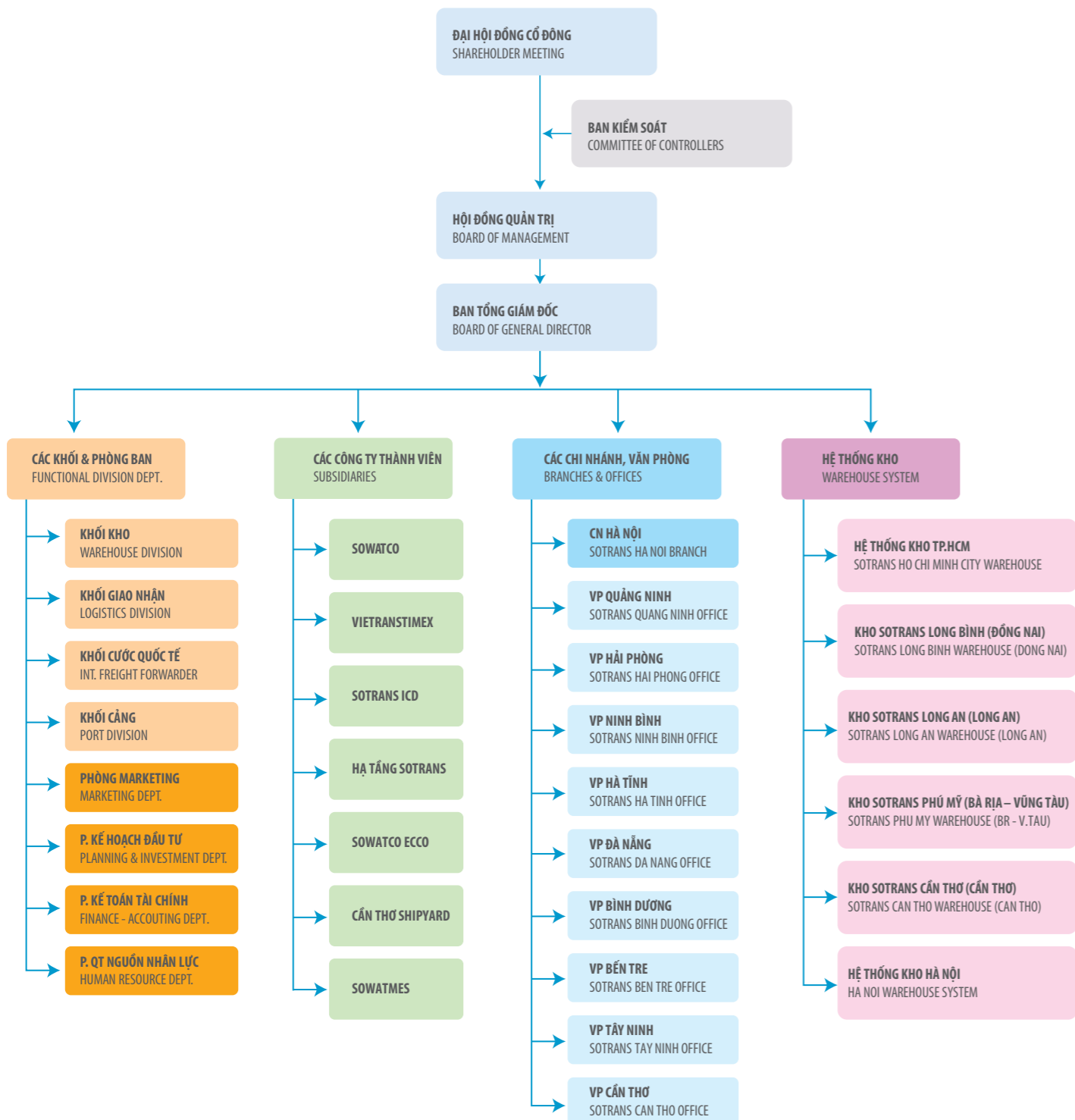
Văn phòng Công ty CP Kho Vận Miền Nam tại Cần Thơ.
ĐC: 27 Lê Hồng Phong, Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Cần Thơ, Việt Nam.
ĐT: (84.292) 384 4453 - Fax: (84.292) 384 4453



TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ SỞ HỮU	LĨNH VỰC KINH DOANH	ĐỊA CHỈ
1 CÔNG TY CP CẢNG MIỀN NAM	Vốn điều lệ 20 tỷ đồng; SOTRANS nắm giữ 51%; Công ty CP Giang Nam Logistics nắm 49%.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa; kinh doanh vận tải đa phương thức.	1B Hoàng Diệu, P.13, Q.4, TP.HCM.
2 CÔNG TY TNHH MTV ĐẦU TƯ HẠ TẦNG SOTRANS (SII)	Vốn điều lệ 350 tỷ đồng. SOTRANS nắm giữ 100% vốn điều lệ	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa; xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình công ích; phá dỡ; san lấp mặt bằng; hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; hoạt động xây dựng công trình chuyên dụng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng...	1B Hoàng Diệu, P.13, Q.4, TP.HCM.
3 CÔNG TY CP VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC VIETRANSTIMEX	Sở hữu 84% vốn chủ sở hữu Vietranstimex	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy, cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.	80-82, đường Bạch Đằng, Q.Hải Châu, Đà Nẵng.
4 CÔNG TY TNHH MTV SOTRANS HÀ TĨNH	Sở hữu 100% vốn chủ sở hữu SOTRANS Hà Tĩnh	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải.	Tổ dân phố Độ Gỗ, P.Kỳ Thịnh, TX Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh
5 TỔNG CÔNG TY CP ĐƯỜNG SÔNG MIỀN NAM	SOTRANS nắm giữ 84.4% quyền biểu quyết gián tiếp tại SOWATCO.	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng container; đại lý vận tải; cung cấp hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn); cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đóng tàu và cấu kiện nổi; sửa chữa tàu thuyền; chuẩn bị mặt bằng sản xuất, bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cung ứng và quản lý nguồn lao động; và đại lý KD dầu và dầu nhờn.	298 Huỳnh Tấn Phát, P.Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM.
6 CÔNG TY CP XÂY LẮP CÔNG TRÌNH (ECCO)	Công ty nắm giữ 86,15% quyền biểu quyết gián tiếp tại ECCO	Xây dựng các công trình dân dụng	202 Lê Lai, P.Bến Thành, Q.1, TP.HCM.
7 CÔNG TY CP ĐÓNG MỚI VÀ SỬA CHỮA PHƯƠNG TIỆN THỦY CÁN THƠ	Công ty nắm giữ 70% quyền biểu quyết gián tiếp tại Cán Thơ Shipyard	Cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi.	77B Trần Phú, P. Cái Khế, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
8 CÔNG TY CP DỊCH VỤ XÂY DỰNG VÀ CƠ KHÍ ĐƯỜNG THỦY MIỀN NAM (SOWATMES)	SOTRANS nắm giữ 51% quyền biểu quyết gián tiếp tại SOWATMES	Xây dựng các công trình dân dụng.	59 Phạm Ngọc Thạch, Q.3, TP.HCM.

TÊN CÔNG TY	VỐN ĐIỀU LỆ, TỶ LỆ SỞ HỮU	LĨNH VỰC KINH DOANH	ĐỊA CHỈ
1 CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN THE PIER	Công ty sở hữu 50% vốn chủ sở hữu của The Pier	Kinh doanh Bất Động Sản	Phòng 1606, Lầu 16, tòa nhà Sailing, số 111A Pasteur, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM
2 CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN BẤT ĐỘNG SẢN SORECO	Công ty sở hữu 50% vốn chủ sở hữu của SORECO	Kinh doanh Bất Động Sản	Tầng 16, tòa nhà Sailing, số 111A Pasteur, P.Bến Nghé, Q.1, TP.HCM
3 CÔNG TY TNHH LÔ-GI-STÍC GEFCO SOTRANS	Vốn điều lệ: 800.000 USD, SOTRANS góp 392.000USD (tương đương 16,988 tỷ VNĐ) chiếm tỷ lệ 49%.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, dịch vụ vận tải hàng hóa bằng đường bộ	Số 55-57, Đường Nguyễn Văn Giai – P. Đa Kao - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh
4 CÔNG TY CỔ PHẦN MHC	Công ty sở hữu 23% vốn chủ sở hữu của MHC	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa và bốc xếp hàng hóa	Tầng 7, tòa nhà Hải An, P.Đông Hải, Q.Hải An, TP Hải Phòng.
5 CÔNG TY LIÊN DOANH PHÁT TRIỂN TIẾP VẬN SỐ 1 (VICT)	Công ty nắm giữ 37% quyền biểu quyết gián tiếp tại VICT	Kinh doanh khu cảng container tại Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM và kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa và vận chuyển container bằng đường bộ cho các khách hàng trực tiếp sử dụng dịch vụ cảng container	Đường A5, Khu phố 5, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.HCM
6 CÔNG TY CP XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH VÀ THƯƠNG MẠI 747 (SOWATCO-ECO 747)	Công ty nắm giữ 49% quyền biểu quyết gián tiếp tại SOWATCO-ECO 747	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.	161/1 Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.
7 CÔNG TY CP DV TỔNG HỢP ĐƯỜNG THỦY MIỀN NAM (SOWATCOSER)	Công ty nắm giữ 26.27% quyền biểu quyết gián tiếp tại SOWATCOSER	Cung cấp các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.	38 Tôn Thất Thuyết, Phường 15, Quận 4, TP.HCM





hiện hành. Các chế độ thanh toán trợ cấp ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thôi việc, ... được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI:

Công ty xây dựng hệ số trả lương, thưởng cho mỗi chức danh công việc trên cơ sở tham khảo hệ thống thang bảng lương của một số doanh nghiệp cùng ngành nghề, trong đó quan tâm đãi ngộ đội ngũ cán bộ quản lý điều hành doanh nghiệp, cán bộ CNV có năng lực sales giỏi và những người đã cống hiến nhiều cho Công ty.

Công ty quan tâm nâng cao đời sống CBCNV với mức thu nhập năm sau luôn luôn cao hơn năm trước. Chính sách thưởng các đơn vị có lợi nhuận cao nhằm phát huy tính năng động, sáng tạo trong toàn Công ty.

Đối với khâu kinh doanh then chốt thực hiện khoán doanh thu, lợi nhuận có thưởng theo lũy tiến nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh, đem lại hiệu quả cao.

Hàng năm Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ mát.

Duy trì các hình thức họp mặt truyền thống trong các dịp Tết cổ truyền, kỷ niệm: ngày Thương binh, ngày Phụ nữ, ngày thành lập quân đội, tổ chức hội thi, vui chơi, tuyên dương, tặng quà, trao học bổng cho các cháu học giỏi là con của người lao động đang làm việc tại Công ty.

Tổ chức các phong trào văn nghệ, thể thao, ... cho người lao động, mua sắm trang phục, dụng cụ thể thao, tổ chức luyện tập, giao lưu, thi đấu...

ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC:

Môi trường làm việc tại SOTRANS đòi hỏi sự năng động và đầy thách thức. Bạn sẽ có cơ hội làm việc với những hạt nhân xuất sắc của SOTRANS, những người giàu kinh nghiệm và luôn phấn đấu vì mục tiêu chung.

Chúng tôi cam kết tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất giúp bạn đạt được mục tiêu nghề nghiệp của chính mình. Mạng liên kết toàn cầu của SOTRANS là cơ hội tốt cho bạn trải nghiệm và tiếp cận các phương pháp quản lý và xây dựng chiến lược của các tập đoàn đa quốc gia giúp bạn có thể thỏa sức sáng tạo, đưa những kiến thức và kinh nghiệm vào thực tế nhằm góp phần xây dựng và phát triển Công ty.

Với mỗi cá nhân tinh thần và khả năng làm việc đội nhóm sẽ góp phần quan trọng trong hiệu quả công việc và thành công của bạn sau này. Hãy hòa cùng tập thể SOTRANS và cùng chúng tôi bước tiếp những bước dài trong lịch sử hình thành và phát triển của SOTRANS.

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC:

Thời gian làm việc bình thường không quá 08 giờ trong 01 ngày và 48 giờ trong 01 tuần. Tuy nhiên, tùy đặc thù công việc và điều kiện sản xuất kinh doanh của từng nơi, từng thời điểm, người có trách nhiệm cao nhất của doanh nghiệp có quyền quy định biểu giờ làm việc riêng của từng đơn vị phù hợp quy định của công ty và của pháp luật.

Người lao động được nghỉ các ngày lễ theo quy định hiện hành. Người lao động làm thêm giờ được bố trí nghỉ bù vào những ngày khác trong tuần, tuy nhiên thời gian làm thêm giờ không được vượt mức quy định tại điều 69, Bộ Luật lao động.

Người lao động có 12 tháng làm việc trở lên tại Công ty được nghỉ phép hàng năm và hưởng nguyên lương 12 ngày làm việc. Mỗi 5 năm làm việc, người lao động sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.

Công ty và người lao động có nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN theo quy định





MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG:

Duy trì mức tăng trưởng ổn định từ **10-15%** hàng năm.



MỤC TIÊU LỢI NHUẬN:

Tăng trưởng lợi nhuận **10-15%** mỗi năm.
Đảm bảo cổ tức cho cổ đông: **18-20%** mỗi năm.



MỤC TIÊU THƯƠNG HIỆU:

Thương hiệu SOTRANS là một trong những thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực logistics.



MỤC TIÊU XÃ HỘI:

Thực hiện đúng trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.
Tạo môi trường làm việc văn minh, chuyên nghiệp.
Đảm bảo thu nhập cho người lao động.
Chăm lo đời sống, sức khỏe của người lao động.
Tham gia bảo vệ môi trường, công tác xã hội phù hợp với hoạt động của công ty.
Không ngừng phát triển và mở rộng hệ thống, tạo nhiều việc làm, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.



MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG THÔNG QUA ĐẦU TƯ:

Đầu tư hệ thống kho:

Trong thời gian tới SOTRANS sẽ đầu tư phát triển đạt 400.000m² kho bãi tại các khu vực trọng điểm: Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Bình Dương, TP. HCM, Long An và Cần Thơ. Ngoài việc phát triển các nhà kho thông thường, SOTRANS đẩy mạnh các hoạt động Trung tâm phân phối tại các thành phố trung tâm theo từng giai đoạn để đảm bảo hình thành mô hình kinh doanh hiệu quả nhất.

Đầu tư quỹ đất hệ thống cảng:

Phát triển cảng và đầu tư xây dựng hạ tầng cảng tại khu vực TP.HCM, Hải Phòng, Miền Trung và Miền Tây.

Nhằm chuẩn bị cho việc phải di dời cảng SOTRANS ICD theo quy hoạch của Tp.HCM nghiên cứu đầu tư tại khu vực Cát Lái, Quận 9 có lợi thế về cự li đi đến khác khu công nghiệp và đảm bảo được hiệu quả của

khu vực trung tâm logistics. Khu vực khác được xem xét là khu vực Đồng Nai, tiếp giáp sông Đồng Nai dưới hình thức liên kết với các đối tác khác phát triển ICD.

Đầu tư phát triển Công nghệ thông tin:

Tập trung đẩy mạnh công tác nghiên cứu & ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh và tăng năng suất lao động.

Nâng cao hạ tầng quản trị doanh nghiệp trên nền tảng công nghệ thông tin, nâng cấp mở rộng hệ thống quản trị quan hệ khách hàng ERP, hệ thống phần mềm kế toán tài chính.

Phát triển ứng dụng hệ thống phần mềm quản lý doanh nghiệp, hệ thống VOIP-Phone, hệ thống hội nghị truyền hình (video conference) kết nối toàn bộ hệ thống SOTRANS trên toàn quốc, nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tiết kiệm chi phí.



RỦI RO VỀ KINH TẾ:

Quy mô nền kinh tế năm 2017 theo giá hiện hành đạt trên 5 triệu tỷ đồng, trong đó khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ tiếp tục là thành phần chủ lực, đóng góp 74% vào quy mô nền kinh tế. Với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là các dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế, kinh doanh kho bãi và giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu, kết quả kinh doanh của Công ty phụ thuộc trực tiếp vào tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế và tình hình hoạt động xuất nhập khẩu ở Việt Nam.

Những thay đổi về chính sách cũng như những biến động của nền kinh tế Việt Nam sẽ ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hoạt động xuất nhập khẩu và gây tác động đến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này, trong đó có Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam.



RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP:

Rủi ro về luật pháp là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng chung đến toàn ngành. Những thay đổi trong chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ đều có những tác động nhất định đến hoạt động của Công ty.

Hiện nay, hệ thống pháp luật của nước ta chưa thật sự hoàn chỉnh, còn tồn tại nhiều quy định phức tạp chông chéo trong lĩnh vực hành chính nhất là những quy định về thủ tục hải quan và các hoạt động liên quan đến xuất nhập khẩu. Luật hải quan hiện đã ra đời nhưng cũng cần thời gian để hoàn thiện mọi vấn đề trong thực tế. Điều này làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải của Công ty.



RỦI RO ĐẶC THÙ:

Hoạt động logistics chuyên nghiệp đòi hỏi phải tích hợp được hàng loạt các dịch vụ vận tải giao nhận thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu thành một chuỗi liên tục để đảm bảo hàng hóa được vận chuyển trọn gói từ nhà sản xuất - vận tải - người tiêu dùng. Cơ sở hạ tầng cho dịch vụ logistics chưa hoàn chỉnh cũng là một trở ngại cho hoạt động kinh doanh của các công ty trong lĩnh vực này.

SOTRANS sẽ phải phát triển trên diện rộng các hoạt động trong chuỗi dịch vụ logistics từ khâu nguyên liệu cho sản xuất đến vận chuyển, lưu kho, tu chỉnh bao gói và phân phối đến các điểm bán lẻ cho người tiêu dùng để tăng khả năng kiểm soát cũng như phối hợp giữa các yếu tố đầu vào cùng kinh nghiệm và hoạt động thực tại của Công ty.



RỦI RO KHÁC:

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch hoạ... do thiên nhiên gây ra là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty, đặc biệt đối với hoạt động giao nhận vận tải quốc tế. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin về những diễn biến tình hình thời tiết, lên kế hoạch điều hành công việc một cách tối ưu; thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty và của khách hàng.



CÁC DỊCH VỤ CỦA SOTRANS:

1. DỊCH VỤ KHO BÃI:



Với kinh nghiệm hơn 40 năm và hệ thống kho hơn 230.000 m² tọa lạc tại các vị trí thuận lợi, SOTRANS cam kết cung cấp các dịch vụ thuận lợi nhất cho tất cả các loại hàng hóa trong chuỗi logistics của khách hàng.

Vị trí giao thông thuận tiện, phù hợp cho việc lưu trữ, phân phối hàng hóa. Đặc biệt các kho tại khu vực Thủ Đức, chúng tôi có hệ thống Cảng đường sông thuận tiện cho việc vận chuyển.

Hàng hóa được bảo hiểm an toàn, phòng cháy chữa cháy nên khách hàng có thể hoàn toàn yên tâm khi gửi hàng tại các kho hàng của SOTRANS.

Cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp:

- Quản lý Xuất - Nhập, kiểm kê.
- Phân phối.
- Xếp dỡ.
- Đóng gói bao bì.
- Quản lý hàng hóa & Báo cáo tồn kho.
- Thủ tục Hải quan.
- Kiểm đếm.
- Vận tải...

Khu vực TP. Hồ Chí Minh:

Hệ thống kho	Diện tích	Vị trí
Kho SOTRANS Thủ Đức – Phước Long	35.000m ²	Xa lộ Hà Nội, Q.Thủ Đức, Tp.HCM
Kho SOTRANS Hiệp Phú	5.000m ²	P. Long Bình, Quận 9, Tp.HCM
Kho SOTRANS Vạn Thành	4.000 m ²	P.Linh Trung, Q.Thủ Đức, Tp.HCM
Kho SOTRANS Đông Anh	6.300 m ²	P. Đông Anh, Quận 9, Tp.HCM
Kho SOTRANS Linh Xuân	2.600 m ²	P. Linh Xuân, Q.Thủ Đức, Tp.HCM
Kho SOTRANS Bến Súc	5.800 m ²	Hoàng Diệu, P.13, Quận 4, Tp.HCM
Kho SOTRANS Hưng Điền	15.000m ²	Q. Bình Chánh, Tp.HCM
Kho SOTRANS Chợ Đệm	15.000m ²	Tân Túc, Q. Bình Chánh, Tp.HCM

Khu vực Miền Đông:

Hệ thống kho	Diện tích	Vị trí
Kho SOTRANS Long Bình	22.000m ²	P.Long Bình, TP.Biên Hòa, Đồng Nai
Kho SOTRANS Phú Mỹ	50.000m ²	KCN Phú Mỹ 1, H.Phú Mỹ, BRVT



Khu vực Miền Tây:

Hệ thống kho	Diện tích	Vị trí
Kho SOTRANS Long An	10.000m ²	Ấp Long Định, H. Cần Đước, Long An
Kho SOTRANS Cần Thơ	3.000m ²	27 Lê Hồng Phong, Q.Bình Thủy, Cần Thơ

Khu vực Hà Nội

Hệ thống kho	Diện tích	Vị trí
Kho SOTRANS Thanh Trì	1.400m ²	Cảng Khuyến Lương, Hoàng Mai, Hà Nội
Kho SOTRANS Long Biên	2.500m ²	Phúc Lợi, Quận Long Biên, Hà Nội
Kho SOTRANS Ngọc Hồi	8.500m ²	Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Hà Nội.



2. GIAO NHẬN VẬN CHUYỂN NỘI ĐỊA:



Dịch vụ giao nhận:

SOTRANS có năng lực thực hiện hiệu quả mọi nhu cầu về vận chuyển và giao nhận của khách hàng từ những lô hàng siêu trường siêu trọng cho các dự án lớn cho đến các các món hàng nhỏ vận chuyển qua cửa khẩu sân bay.

Thế mạnh trong dịch vụ logistics của SOTRANS là sự kết hợp nhuần nhuyễn tất cả các khâu trong quá trình vận chuyển và đảm bảo khai quan đúng hạn, tiết kiệm thời gian và chi phí cho khách hàng.

Cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp:

- Chứng từ, bảo hiểm, giám định.
- Xếp dỡ hàng.
- Vận chuyển nội địa.
- Kiểm đếm.
- Đóng gói, nhân hàng.
- Lưu kho.
- Phân phối.
- Dịch vụ giao hàng tận nơi.



CÁC DỊCH VỤ CỦA SOTRANS:

▪ Thủ tục hải quan:

Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp và kinh nghiệm của SOTRANS thay mặt chủ hàng hoàn thành thủ tục hải quan một cách nhanh chóng và hiệu quả nhất. SOTRANS được phép của hải quan, ký tên trên tờ khai xuất, nhập khẩu để khai báo hải quan. Điều này giảm được thời gian cho chủ hàng đồng thời khẳng định được trách nhiệm và chất lượng dịch vụ khai thuê hải quan của SOTRANS.

Ngoài ra, SOTRANS có dịch vụ giao nhận và vận chuyển hàng tận nơi giúp khách hàng nhanh chóng giải phóng hàng và phân phối kịp thời trong hệ thống phân phối hoặc xuất khẩu đi nước ngoài.



▪ Vận chuyển đường bộ:

SOTRANS cung cấp dịch vụ vận chuyển bằng đường bộ đặc biệt là tuyến vận chuyển Bắc Nam với dịch vụ trọn gói door to door theo yêu cầu của khách hàng. SOTRANS có bảo hiểm trách nhiệm của người vận chuyển nên khách hàng hoàn toàn yên tâm với dịch vụ của SOTRANS.

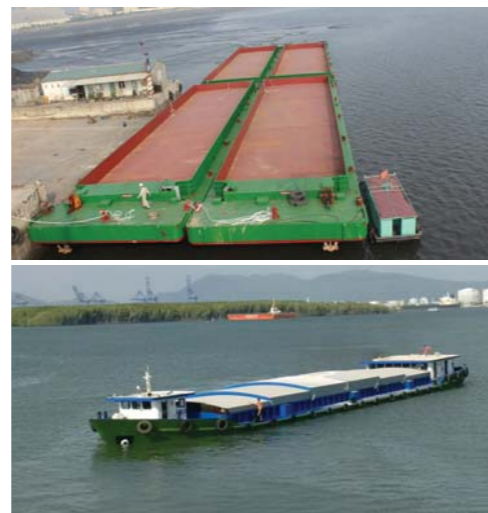


Dịch vụ vận chuyển đường bộ:

- Vận chuyển hàng container.
- Vận chuyển xuyên biên giới.
- Bốc xếp hàng hóa.
- Kết hợp khai báo hải quan cho khách hàng.
- Giao nhận vận tải hàng tận nơi.

▪ Vận chuyển đường thủy nội địa:

SOTRANS đang phát triển tuyến vận chuyển nội địa bằng đường thủy với dịch vụ đa dạng bao gồm vận chuyển đường thủy Bắc Nam và ngược lại, vận chuyển door to door với việc chuyển tải bằng xe container chuyên nghiệp. Đặc biệt tuyến Hồ Chí Minh - Miền Tây thông qua Cảng Cát Lái và Cảng Cần Thơ bằng sà lan giúp khu vực Miền Tây vận hành hoạt động xuất nhập khẩu thuận tiện.



▪ Vận chuyển hàng xá hàng rời:

Với các hàng hóa được vận chuyển xá (chứa trong hầm tàu) như xi măng, phân bón, thức ăn gia súc... SOTRANS là những nhà chuyên nghiệp cung cấp giải pháp chuyển cung ứng, các dịch vụ từ cảng đến người tiêu dùng cuối cùng như đóng gói, cân, kiểm đếm, giám định, vận tải, giao nhận...

Các mặt hàng truyền thống đã được SOTRANS vận chuyển trong nhiều năm qua:

- | | | |
|-----------|------------|------------|
| ⇒ Xi măng | ⇒ Gạo | ⇒ Nông sản |
| ⇒ Cà Phê | ⇒ Phân Bón | ⇒ TAGS |
| ⇒ Đường | ⇒ Bột mì | |

Dịch vụ của SOTRANS đảm bảo bốc hàng đúng lịch trình, giải phóng tàu nhanh giúp khách hàng tiết kiệm được chi phí. Ngoài ra chúng tôi còn có nhiều giải pháp hỗ trợ khách hàng trong những mùa cao điểm khi tàu hàng phải chờ lâu, gây phát sinh chi phí.



▪ Phân phối hàng hóa:

SOTRANS cung cấp dịch vụ vận chuyển phân phối bằng đường bộ với đội xe vận chuyển hơn 10 chiếc xe tải nhỏ, tải trọng đa dạng với dịch vụ trọn gói door to door theo yêu cầu của khách hàng. Với những lô hàng lớn hơn SOTRANS đã có đội xe container trên 120 chiếc đảm nhận.



Ưu điểm:

- Đội xe hơn 10 xe tải nhỏ và 120 chiếc container.
- Có giấy phép vận chuyển xuyên biên giới Lào và Campuchia.
- Sản lượng vận chuyển trên 4.000 teus hàng tháng.



CÁC DỊCH VỤ CỦA SOTRANS:

Vận chuyển hàng công trình dự án:



SOTRANS vận chuyển và lắp đặt một cách an toàn, thuận lợi dù đó là hàng quá khổ hay toàn bộ hệ thống thiết bị để xây dựng nhà xưởng.

Hạ tầng trang thiết bị hiện đại, với trailer, máy kéo trailer, mô đun thủy lực, mô đun tự hành và cần cẩu

Với đội ngũ chuyên nghiệp, nhiều kinh nghiệm và nhiệt tình, SOTRANS sẽ vận chuyển tất cả các loại máy móc, thiết bị đến nơi đâu khách hàng yêu cầu.

Cung cấp các dịch vụ chuyên nghiệp:

- ✓ Có giấy phép vận chuyển đa phương thức.
- ✓ Tư vấn miễn phí về phương án vận chuyển cho từng dự án.
- ✓ Thông tin chính xác thời gian hàng đến
- ✓ Kiểm tra lộ trình trực tiếp.

Các dự án tiêu biểu:

- ⇒ Dự án Nhà máy Bia Việt Nam.
- ⇒ Dự án Thủy điện Bản Chát (Sơn La), Yaly, Nậm Mức (Điện Biên), Sông Bung 4 (Quảng Nam), Đồng Nai 5 (Đồng Nai).
- ⇒ Dự án Nhà máy điện Hiệp Phước
- ⇒ Nhà máy luyện gang thép Formosa Hà Tĩnh.
- ⇒ Dự án Nhà máy dầu cọ Hoàng Anh Gia Lai tại Campuchia.
- ⇒ Dự án Nhà máy Sữa Vinamilk Nghệ An.
- ⇒ Dự án Tòa nhà VINCOM TP.HCM.
- ⇒ Dự án Cao ốc Sagon M&C.
- ⇒ Dự án Nhà máy Pilot Plan của Cargil...

Hình ảnh một số dự án:

Dự án Thủy điện Sông Bung 4:



Dự án Nhà máy luyện gang thép Formosa Hà Tĩnh:



Dự án Nhà máy dầu cọ Hoàng Anh Gia Lai Campuchia:



Dự án Nhà máy sữa Vinamilk Nghệ An:



3. VẬN CHUYỂN QUỐC TẾ:



Vận chuyển hàng không:

SOTRANS cung cấp dịch vụ với lịch trình đảm bảo và giá cước phù hợp, đúng theo yêu cầu riêng của từng khách hàng.

Với đội ngũ nhân viên dịch vụ khách hàng chuyên nghiệp và nhiều kinh nghiệm trong việc xử lý nhanh các tình huống phát sinh trong vận tải hàng không, khả năng giữ chỗ ngay cả trong những mùa cao điểm.

SOTRANS có hợp đồng với hầu hết các hãng hàng không lớn trên thế giới như:

Air France (AF).	All Nippon Airways (NH).
Asiana Airlines (OZ).	Philippine Airlines (PR)
Cathay Pacific (CX).	Singapore Airlines (SQ).
China Airlines (CI).	Qatar Airways (QR).
Japan Airlines (JL).	Thai Airways (TG).
Hong Kong Airlines (HX).	Vietnam Airlines (VN)...
Korean Air (KE).	

CÁC DỊCH VỤ CỦA SOTRANS:

▪ Vận chuyển đường biển:



Với hệ thống đại lý mạnh trên những khu vực cảng lớn của thế giới, những hợp đồng ký kết với các hãng tàu uy tín, SOTRANS cung cấp các dịch vụ vận tải đường biển với mức giá cạnh tranh.

Dịch vụ của SOTRANS hạn chế tối đa việc rớt hàng ở cảng đi và các cảng chuyển tải, đáp ứng đầy đủ nhu cầu vận chuyển hàng hóa đến được các cảng trong nội địa bằng xe tải, sà lan hoặc tàu hỏa.

SOTRANS có hợp đồng với hầu hết các hãng tàu lớn trên thế giới như:

- CMA – CGM - APL - NYK
- Hyundai - MOL - MSC
- Maersk - Hapag Lloyd.



▪ Vận chuyển đa phương thức quốc tế:

Vận tải đa phương thức (Multimodal transport) quốc tế hay còn gọi là vận tải liên hợp (Combined transport) là phương thức vận tải hàng hóa bằng ít nhất hai phương thức vận tải khác nhau trở lên, trên cơ sở một hợp đồng vận tải đa phương thức từ một điểm ở một nước tới một điểm chỉ định ở một nước khác để giao hàng.

Với hệ thống đại lý toàn cầu trên 100 quốc gia, SOTRANS có đủ năng lực đáp ứng nhu cầu vận chuyển tận nơi (Door to door) thông qua việc phối hợp nhiều hình thức vận tải khác nhau.

Kinh nghiệm và sự kết nối nhuần nhuyễn các phương thức vận tải, kết hợp với khả năng đáp ứng vận chuyển nội bộ uy tín,

chúng tôi đã thực hiện những lô hàng, dự án với đòi hỏi khắt khe của nhiều công ty đa quốc gia.



▪ Vận chuyển xuyên biên giới:

Vận tải đường bộ xuyên biên giới có thể giúp các doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa nhanh hơn đường biển và tiết kiệm chi phí hơn so với đường hàng không.



Nắm bắt nhu cầu của các doanh nghiệp SOTRANS đã phát triển dịch vụ vận chuyển xuyên biên giới từ Việt Nam đến Lào, Campuchia và có thể kết hợp đến Thái Lan.

Kết hợp với dịch vụ thông quan chuyên nghiệp của SOTRANS, việc giao nhận tại các cửa khẩu sẽ nhanh chóng và thuận tiện cho khách hàng.

▪ Dịch vụ gom hàng:

Chỉ với một phần hàng lẻ, 1/2m³ hàng hóa của Quý khách hàng là SOTRANS đã đáp ứng và nhận vận chuyển đi đúng địa chỉ yêu cầu an toàn, nhanh chóng, tiết kiệm cước phí theo tuyến đường và lịch vận chuyển ổn định đều đặn hàng tuần.

Quý khách hàng hoàn toàn yên tâm giao phó trách nhiệm, tài sản hay dịch vụ gửi hàng xuất khẩu, nhận hàng nhập khẩu đi / đến từ bất cứ địa điểm nào và không phụ thuộc vào số lượng hàng nhiều hay ít.

Dịch vụ gom hàng của SOTRANS

- ⇒ Khách hàng có thể gửi từ 01 kiện cho đến nhiều kiện hàng đến bất cứ nơi đâu.
- ⇒ Container được mở hàng tuần và thông báo cho khách hàng lịch tàu chi tiết.
- ⇒ Thủ tục gửi hàng đơn giản, nhanh chóng. Đóng gói cẩn thận.

4. KHAI THÁC CẢNG:



▪ Cảng SOTRANS ICD:

Cảng SOTRANS ICD chính thức đi vào hoạt động từ năm 2010. Vị trí cảng thuận lợi, trang thiết bị hiện đại, dịch vụ trọn gói đảm bảo đáp ứng hoàn

Cảng SOTRANS ICD

- ⇒ Diện tích: 10 ha (100.000 m²).
- ⇒ Khả năng xếp bãi: 450.000 teus/năm.
- ⇒ Địa điểm: Số 9 Xa Lộ Hà Nội, P. Trường Thọ, Thủ Đức, TP. HCM.



CÁC DỊCH VỤ CỦA SOTRANS:

xuất nhập khẩu, các công ty thương mại và dịch vụ... Với diện tích khai thác khoảng 9,4 ha vị trí khai thác chiến lược giúp kết nối các hoạt động logistics liên tục 24h/7 ngày.

SOTRANS ICD có hợp đồng với hơn 20 hãng tàu lớn trên thế giới.

Lợi ích cho khách hàng:

- ⇒ Hoạt động liên tục 24 giờ/7 ngày.
- ⇒ Đảm bảo giải quyết tất cả các khiếu nại của khách hàng.
- ⇒ Thời gian lưu container linh hoạt với chi phí phù hợp.
- ⇒ Chính sách ưu đãi riêng cho khách hàng/hãng tàu.
- ⇒ Linh động thời gian lưu bãi cho hãng tàu với dịch vụ chuyên nghiệp tốt nhất.

▪ Cảng SOTRANS Long Bình:

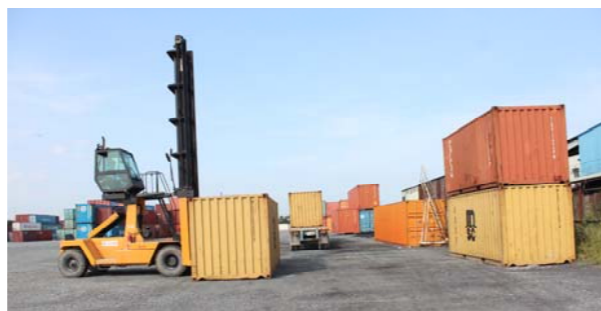
Cảng SOTRANS Long Bình có diện tích 200.000m² với lợi thế cảng bờ sông Đồng Nai và đường Nguyễn Xiển, Quận 9 là đầu mối kết nối hàng hóa thuận tiện cho khu vực TP.HCM với Miền Đông và Miền Tây.

Hệ thống cầu cảng có thể tiếp nhận tàu 5.000MT với 3 cầu cảng nằm suốt dọc bờ sông Đồng Nai.

▪ Depot SOTRANS Mỹ Phước:

Depot SOTRANS Mỹ Phước có diện tích 4.200m² với lợi thế vị trí sát giao lộ Mỹ Phước - Tân Vạn - Võ Văn Kiệt, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương nên dễ dàng kết nối các KCN như KCN Mỹ Phước 1, 2, 3 về khu vực TP. HCM và hệ thống Cảng Bình Dương, Đồng Nai, Long Bình, Cát Lái. Đây là điểm trung chuyển và nâng, hạ container lý tưởng cho khu vực Bình Dương.

- ⇒ Điểm thông quan nội địa
- ⇒ Thủ tục Hải Quan
- ⇒ Nâng, hạ container
- ⇒ Kho đóng hàng lẻ
- ⇒ Đóng rút hàng tại bãi
- ⇒ Giao nhận hàng hóa XNK
- ⇒ Kho ngoại quan
- ⇒ Làm bao bì, đóng gói chân không, kê ký mã hiệu
- ⇒ Bãi chứa container
- ⇒ Sửa chữa, vệ sinh container
- ⇒ Dịch vụ xếp dỡ container
- ⇒ Vận chuyển hàng nội địa
- ⇒ Vận chuyển hàng công trình,
- ⇒ Hoạt động liên tục 24h/7 ngày
- ⇒ siêu trường, siêu trọng
- ⇒ Lắp đặt thiết bị



Cảng SOTRANS Long Bình là cánh tay nối dài của SOTRANS ICD khu vực Thủ Đức và là điểm trung chuyển cho các Cảng khu vực TP. HCM, Bà Rịa - Vũng Tàu.

Depot SOTRANS Mỹ Phước được trang bị xe Reach Stacker 80 tấn với khả năng xếp dỡ 3.000 teus/tháng sẽ giúp tiết kiệm thời gian và chi phí nâng, hạ container cho khách hàng.



Top 3

Nhà cung cấp dịch vụ logistics Việt Nam



P&G

OLAM

SAMSUNG

Alliance One

PROMACO

Cargill

SIEMENS

TEXHONG

Uni-President

NutiFood
Giải pháp dinh dưỡng của chuyên gia

de heus

Carrier

SCMI

LM

SanMiguel

C.P. GROUP

MAXXIS

Dalat Hasfarm

FHS

FrieslandCampina

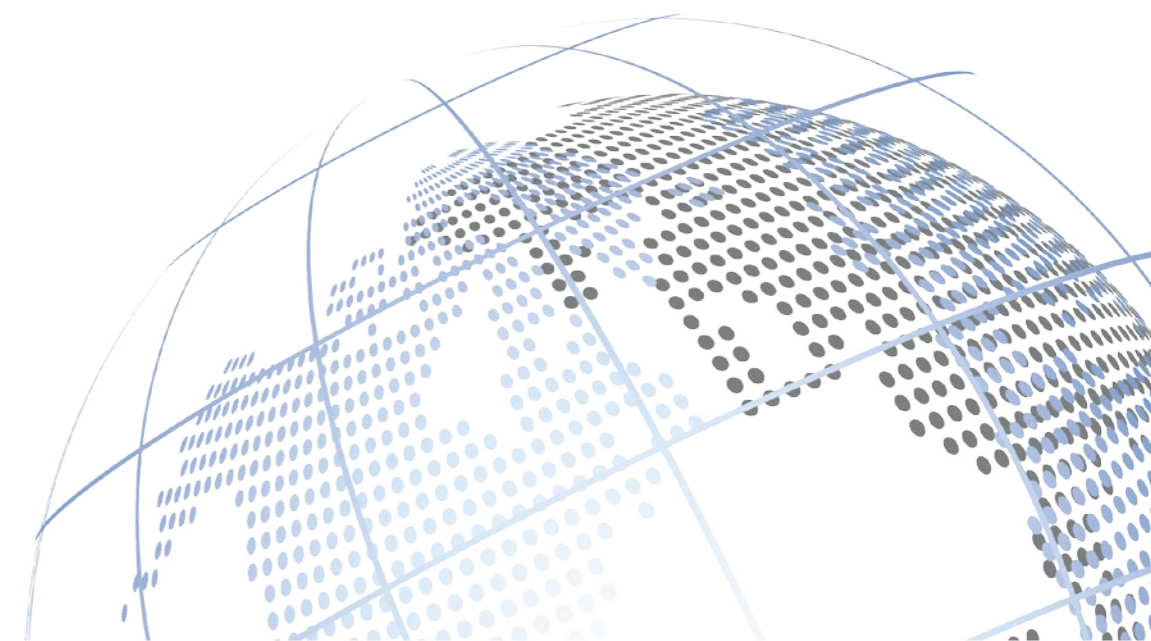
Holcim

SHMZ

COLGATE-PALMOLIVE

THACO
TRUONG HAI AUTO

- Hiệp hội Giao nhận Vận tải quốc tế – FIATA.
- Hiệp hội Vận tải Hàng không quốc tế – IATA.
- Hiệp hội Doanh nghiệp Dịch vụ Logistics Việt Nam – VLA.
- Air & Sea Association – ASA.
- Carvre Seven Network.
- Chứng chỉ ISO 9001:2000 – DNV.
- International Federation of Freight Forwarder Association – FIATA.
- International Air Transport Association – IATA.
- Vietnam Logistics Business Association – VLA.
- Air & Sea Association – ASA.
- Carvre Seven Network.
- ISO 9001:2000 Certificate for Quality System – DNV.





Đại lý tại hơn **100 quốc gia**
trên thế giới



PHẦN 2

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM
NĂM 2017**

I. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017:

Thực hiện Luật Doanh Nghiệp số 68/2014/QH13 được ban hành ngày 26/11/2014 và Điều Lệ Công ty CP Kho Vận Miền Nam sửa đổi lần thứ chín ban hành ngày 30/9/2016, Nghị quyết số 031/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/4/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, Hội đồng quản trị báo cáo hoạt động năm 2017 cụ thể như sau:

1. Cơ cấu HĐQT:

Hội đồng quản trị Công ty CP Kho vận Miền Nam năm 2017 gồm 06 thành viên:

+ Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2012-2016: đến ngày 12/4/2017

- Ông Nguyễn Văn Tuấn - Chủ tịch HĐQT
- Ông Lê Bá Thọ - Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Quyết Thắng - Thành viên HĐQT
- Ông Trần Văn Thịnh - Thành viên HĐQT
- Ông Đỗ Hoàng Phương - Thành viên HĐQT
- Ông Trần Tuấn Anh - Thành viên HĐQT

+ Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017-2022: từ ngày 12/4/2017

- Ông Nguyễn Văn Tuấn - Chủ tịch HĐQT
- Ông Lê Bá Thọ - Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Quyết Thắng - Thành viên HĐQT
- Ông Đặng Vũ Thành - Thành viên HĐQT
- Ông Đỗ Hoàng Phương - Thành viên HĐQT
- Ông Trần Tuấn Anh - Thành viên HĐQT

2. Các cuộc họp của HĐQT:

- HĐQT tổ chức họp 10 cuộc gồm các phiên thường kỳ và lấy phiếu biểu quyết bằng hình thức gửi văn bản, qua email nhằm tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, HĐQT cũng thường xuyên trao đổi, thảo luận giữa các thành viên, cùng phối hợp giải quyết các vấn đề phát sinh ngoài các lần họp chính thức. Trong các phiên họp, tất cả các thành viên tham dự đầy đủ. Một số phiên họp căn cứ vào tính chất và nội dung từng cuộc họp có mời thành viên Ban Kiểm soát tham dự.

- Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, đảm bảo các thành viên HĐQT tham gia theo quy định, các nội dung biểu quyết đều đạt đồng thuận cao, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự.
- Các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và cho ý kiến đối với các thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của các thành viên HĐQT, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.
- HĐQT đã trực tiếp thảo luận, quyết định các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết tại các kỳ Đại hội. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền, phê duyệt tờ trình của Tổng Giám Đốc và nghe Tổng Giám Đốc báo cáo, giải trình kế hoạch SXKD của Công ty. Các cuộc họp của HĐQT đều có Tổng Giám đốc tham dự.
- Theo quy định đối với tổ chức niêm yết, HĐQT đã có báo cáo quản trị Công ty 06 tháng và năm gửi UBCK, các Sở GDCK và cổ đông (Quý cổ đông có thể xem báo cáo này tại Website Công ty). Qua đó, nâng cao tính minh bạch trong hoạt động quản trị Công ty, đồng thời giúp cho cổ đông nắm rõ được tình hình hoạt động của Công ty.

3. Các biên bản nghị quyết HĐQT:

Tất cả các cuộc họp HĐQT đều ghi biên bản đầy đủ và được HĐQT thông qua. Trong năm 2017, HĐQT đã ban hành 21 Nghị quyết và Quyết định. Ngoài các Nghị quyết về công tác thường kỳ, HĐQT còn ban hành 1 số nghị quyết sau:

- 3.1.** Thông qua việc chào mua công khai 22.300.000 cổ phiếu STG của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam (GELEX).
- 3.2.** Tái bổ nhiệm Ông Trần Văn Thịnh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 11/01/2017 đến hết ngày 11/01/2020.
- 3.3.** Bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Tuấn giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2017-2022 từ ngày 12/4/2017.
- 3.4.** Bổ nhiệm Ông Lê Bá Thọ giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT thường trực nhiệm kỳ 2017-2022 từ ngày 12/4/2017.
- 3.5.** Tái bổ nhiệm Ông Đặng Vũ Thành làm Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 17/4/2017 đến 17/4/2020.
- 3.6.** Sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương, thưởng của Công ty.
- 3.7.** Thông qua các nội dung trình ĐHĐCĐ năm 2017 như: báo cáo hoạt động SXKD năm 2016, kế hoạch SXKD năm 2017, phương án trích lập các quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2016, lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2017, thù lao của HĐQT và BKS, ...

- 3.8.** Thông qua việc đầu tư mua 49% vốn điều lệ Công ty CP Sotrans Hà Tĩnh, nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty CP Kho Vận Miền Nam tại Công ty CP Sotrans Hà Tĩnh lên 100% vốn điều lệ.
- 3.9.** Thông qua danh sách cổ đông chuyển nhượng cổ phần cho Công ty Cổ Phần Giao Nhận và Vận Chuyển Indo Trần theo Nghị quyết số 031/2017/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Kho Vận Miền Nam ngày 12/04/2017.
- 3.10.** Điều chỉnh loại chứng khoán từ “Chứng khoán hạn chế chuyển nhượng” sang “Chứng khoán tự do chuyển nhượng” của cổ đông mua cổ phiếu không phân phối hết từ đợt chào bán cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2015 số 051/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/8/2015, Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2016 số 038/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/4/2016.
- 3.11.** Thông qua việc cho Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng Sotrans vay (số tiền vay và các nội dung liên quan đến vấn đề này thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị).
- 3.12.** Chấp thuận cho Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu Tư Hạ Tầng SOTRANS mua cổ phần để tăng tỷ lệ sở hữu đạt 84,39% vốn điều lệ của Tổng Công ty Cổ phần Đường Sông Miền Nam (mã chứng khoán: SWC).
- 3.13.** Thông qua việc hợp tác đầu tư, thuê, cho thuê và khai thác vận hành kho bãi với Công ty CP Giao Nhận Và Vận Chuyển Indo Trần (ITL) (tổng giá trị đầu tư và các nội dung liên quan đến vấn đề này thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị)

4. Việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ:

HĐQT đã chỉ đạo triển khai toàn diện và kịp thời nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017, cụ thể:

- 4.1.** HĐQT đã chỉ đạo hoàn thành xấp xỉ đạt kế hoạch kinh doanh năm 2017. Năm 2017, trước những biến động phức tạp của nền kinh tế thế giới tác động ảnh hưởng trực tiếp tới kinh tế Việt Nam nói chung và Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam nói riêng, kế thừa những kết quả các giải pháp đã triển khai thành công và các bài học kinh nghiệm trong hoạt động năm 2017, HĐQT và Ban điều hành Công ty đã bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua ngày 12/04/2017 để triển khai thực hiện. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính theo kết quả đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	KH ĐHĐCĐ giao năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ (%)
Doanh thu	đồng	885.600.000.000	890.371.887.744	100,53%
Lợi nhuận trước thuế	đồng	300.847.654.960	296.880.318.937	98,68%

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2017 đã kiểm toán

- 4.2.** HĐQT đã chỉ đạo phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2016 ngay sau khi kết thúc ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
- 4.3.** Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, đã lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2017.
- 4.4.** Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2017, đã chấp thuận chủ trương để Công ty Cổ phần Giao Nhận và Vận Chuyển Indo Trần mua cổ phần tăng tỷ lệ sở hữu mà không cần thực hiện chào mua công khai, với tỷ lệ sở hữu lên 30% vốn điều lệ của Công ty CP Kho Vận Miền Nam.

5. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty:

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với ban điều hành được thực hiện thông qua việc HĐQT chất vấn Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý điều hành về kết quả hoạt động trong kỳ tại các phiên họp định kỳ và khi đến làm việc với các đơn vị.
- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2017 đã được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt.
- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các quyết định của HĐQT và triển khai hiệu quả các giải pháp trọng tâm đã được HĐQT phê duyệt.
- Trong quá trình điều hành, Ban điều hành Công ty đã tuân thủ theo đúng phân cấp quản trị tại Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty cũng như các quyết định của HĐQT.

6. Thù lao của HĐQT năm 2017:

- Trong năm 2017, Công ty đã chi trả thù lao của HĐQT năm 2016 là 402.500.000 đồng.
- Thù lao HĐQT năm 2017 được trình ĐHĐCĐ thông qua: Chủ tịch HĐQT là 8 triệu đồng/tháng, Phó Chủ tịch HĐQT là 6 triệu đồng/tháng, Thành viên HĐQT là 5 triệu đồng/người/tháng.

7. Thực hiện trách nhiệm với cổ đông:

- Chỉ đạo công bố đầy đủ thông tin đến cổ đông, tổ chức, cá nhân đầu tư.
- Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền trong các kỳ đại hội, bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông.
- Chỉ đạo, giám sát, điều hành của Tổng Giám đốc, bảo đảm thực hiện đúng pháp luật, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT.
- Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên theo đúng pháp luật và điều lệ công ty.

8. Báo cáo tình hình quản trị của Công ty năm 2017

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản trị doanh nghiệp, HĐQT xác định nâng cao chất lượng quản trị công ty là một nội dung quan trọng trong định hướng chiến lược của Công ty. Các báo cáo tình hình quản trị của Công ty trong



năm được công bố thông tin đầy đủ, đúng thời hạn đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. Hồ Chí Minh. Nội dung chi tiết Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2017 cũng đã được công bố theo quy định.

9. Kết luận:

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty và sự phát triển của đơn vị, có thể đánh giá rằng HĐQT Công ty đã nỗ lực hoàn thành chức năng, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc, trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết, quyết định của HĐQT, tích cực tìm kiếm các cơ hội hợp tác đầu tư mới. Những kết quả này khẳng định tính đúng đắn, kịp thời, phù hợp, hiệu quả của các giải pháp đã được HĐQT và Ban điều hành đặt ra, đồng thời thể hiện sự cố gắng, quyết tâm cao của các đơn vị trực thuộc, cán bộ lãnh đạo, nhân viên trong toàn Công ty.

II. Phương hướng hoạt động năm 2018:

HĐQT xác định phương hướng hoạt động của Công ty năm 2018 như sau:

- Chỉ đạo, quản trị hoạt động của Công ty tiếp tục ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 do Đại hội đồng cổ đông giao. Phối hợp chặt chẽ và cùng với Ban Tổng Giám đốc điều hành triển khai các giải pháp quản trị đã đặt ra, kiểm soát và đánh giá kết quả hoạt động từng tháng, từng quý, chủ động xây dựng và triển khai các giải pháp điều hành kịp thời, có hiệu quả để đảm bảo đạt được mục tiêu kế hoạch đặt ra.
- Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính toàn Công ty an toàn, hiệu quả.
- Chỉ đạo kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động của Công ty.
- Tìm kiếm thị trường tiềm năng mới, phát triển lĩnh vực hoạt động của Công ty kết hợp nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Thực hiện các chức năng quản trị hoạt động Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của HĐQT được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và các quy chế khác.
- Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
- Tiếp tục sắp xếp, bố trí Người đại diện tại các công ty trong hệ thống Sotrans nhằm phát huy năng lực gắn liền với trách nhiệm với từng cá nhân, phát huy vai trò của Người đại diện và Ban kiểm soát tại các đơn vị để phát hiện, đánh giá và xử lý kịp thời, có hiệu quả các rủi ro phát sinh.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý vị cổ đông, đặc biệt chỉ ra những hạn chế yếu kém trong công tác quản lý công ty và giám sát Ban điều hành, giúp HĐQT hoạt động ngày càng tốt hơn và có được chiến lược tốt nhất cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu VT-KT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

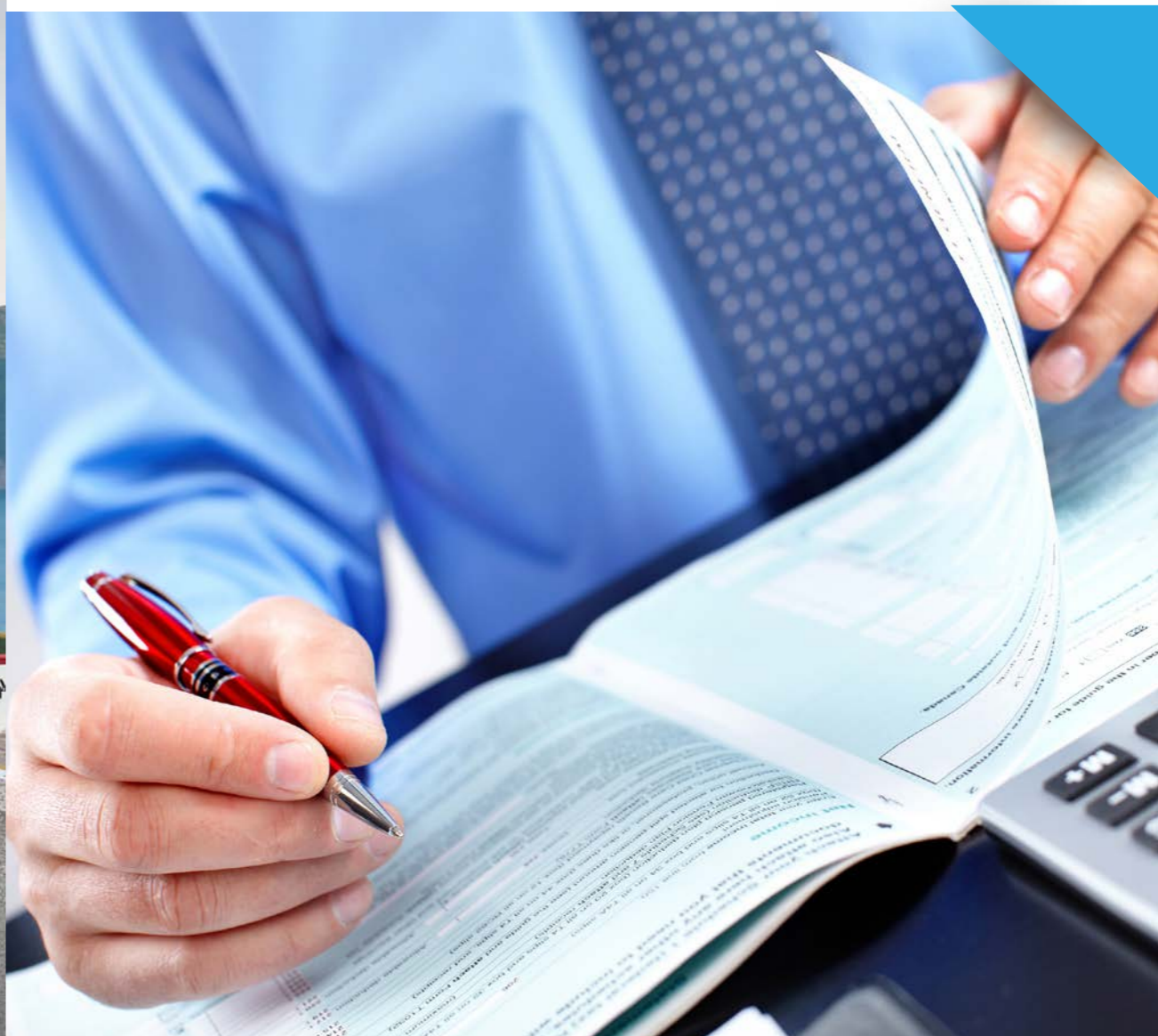


NGUYỄN VĂN TUẤN





10 văn phòng, chi nhánh trên toàn quốc
2 văn phòng tại Lào và Campuchia



PHẦN 3

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ:

1.1. Bối cảnh:

- Kinh tế thế giới phục hồi.
- Tuy nhiên, chất lượng tăng trưởng nền kinh tế trong nước chưa cao.
- Thiên tai, bão, lũ liên tiếp xảy ra tác động tiêu cực tới sản xuất nông nghiệp và thách thức mục tiêu tăng trưởng năm 2017.

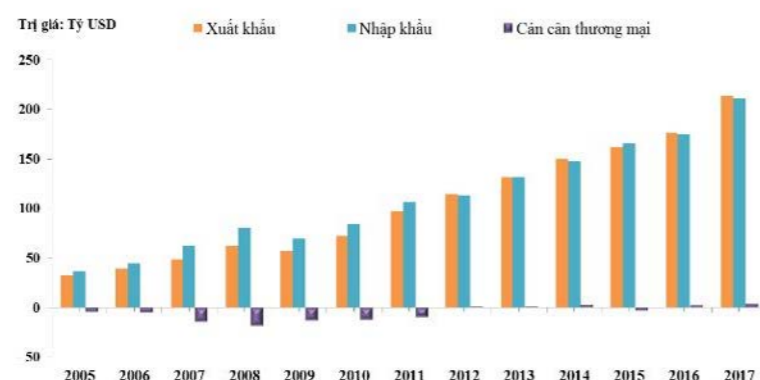
1.2. Các chỉ tiêu Kinh tế vĩ mô năm 2017:

Một số chỉ tiêu chủ yếu năm 2017 (tăng/giảm) so với năm 2016 (%)	
Tổng sản phẩm trong nước (GDP)	+6,81%
Nông, lâm nghiệp và thủy sản	+2,9%
Công nghiệp và xây dựng	+8,0%
Dịch vụ	+7,44%
Tổng kim ngạch xuất khẩu	+21,1%
Tổng kim ngạch nhập khẩu	+20,8%

Nhận xét: Tình hình kinh tế Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực, ổn định hơn so với năm 2016. Tuy nhiên, vẫn còn tồn đọng những khó khăn, đặc biệt là tình hình thiên tai, bão lũ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế nước nhà.

II. TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU:

Biểu đồ 1: Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu, cán cân thương mại hàng hóa của Việt Nam giai đoạn 2005-2017



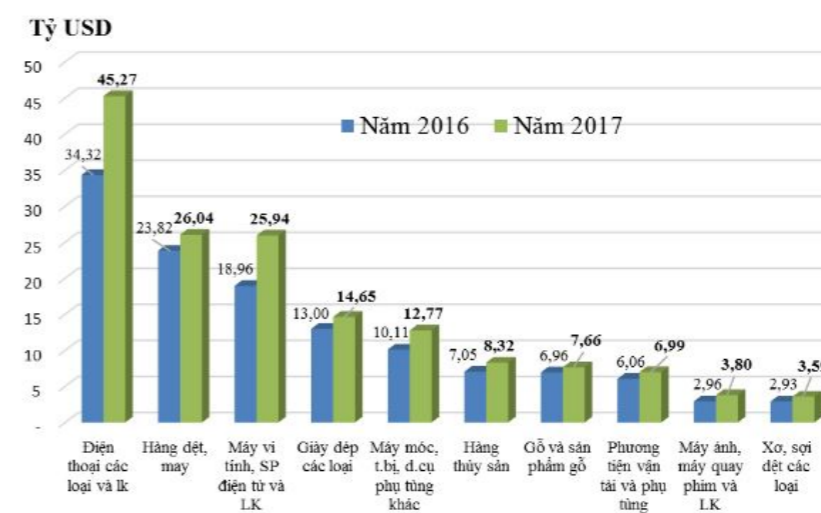
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tính đến hết 12 tháng/2016 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước đạt hơn 425,12 tỷ USD, tăng 21,1%, tương ứng tăng gần 73,74 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước.

2.1. Xuất khẩu:

- Xuất khẩu đạt hơn 214,01 tỷ USD, tăng 21,2%, tương ứng tăng gần 37,44 tỷ USD.
- Thị trường xuất khẩu năm 2017 của Việt Nam vẫn chủ yếu tập trung ở khu vực Châu Á với kim ngạch hơn 111,95 tỷ USD, chiếm 52,3% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Trong đó nổi bật như: thị trường Trung Quốc với kim ngạch hơn 35.46 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 16,6% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.
- Thị trường Châu Mỹ đạt kim ngạch hơn 52,33 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 24,5% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Trong đó, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch hơn 41,61 tỷ USD; tăng 8,2% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 19,4%. Thị trường Châu Âu với kim ngạch 43 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 20,1%. Trong đó, thị trường EU (28 nước) đạt gần 38,28 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 17,9%, là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam sau Hoa Kỳ. Châu Đại Dương đạt kim ngạch hơn 4 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 1,9%; Châu Phi đạt 2,67 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 1,2%.
- Xuất khẩu hàng hóa trong năm 2017 với 29 nhóm hàng có kim ngạch trên 1 tỷ USD với kim ngạch 195,93 tỷ USD, chiếm 91,5% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Trong đó, có tới 5 nhóm hàng đạt kim ngạch trên 10 tỷ USD bao gồm điện thoại các loại và linh kiện; hàng dệt may; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; giấy dệt các loại; máy móc, thiết bị, dụng cụ phụ tùng.

Biểu đồ 2: Trị giá xuất khẩu 10 nhóm hàng lớn nhất năm 2017 so với năm 2016



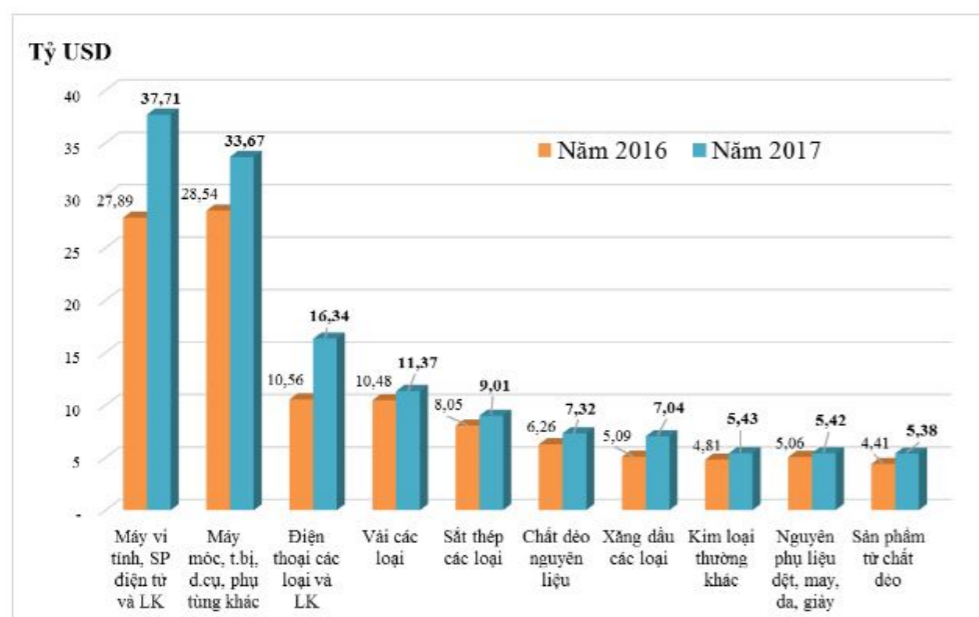
Nguồn: Tổng cục hải quan

2.2. Nhập khẩu:

- Nhập khẩu đạt hơn 211,1 tỷ USD, tăng 20,8%, tương ứng tăng hơn 36,35 tỷ USD.

- Thị trường nhập khẩu của Việt Nam năm 2017 vẫn chủ yếu tập trung tại Châu Á với kim ngạch hơn 172,83 tỷ USD, tăng 22,3% so với cùng kỳ năm trước, và chiếm tỷ trọng 81,9% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước. Trong đó, thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam là Trung Quốc với kim ngạch gần 58,23 tỷ USD, tăng 16,4%, và chiếm tỷ trọng 27,6%; đứng thứ 2 là thị trường Hàn Quốc đạt kim ngạch 46,73 tỷ USD, tăng 45,3%, chiếm tỷ trọng 22,1%;...
- Châu Mỹ là thị trường nhập khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam với kim ngạch gần 15,6 tỷ USD, tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước; thị trường Châu Âu đạt kim ngạch gần 14,9 tỷ USD, tăng 10,4%. Xếp sau đó là thị trường châu Phi và châu Đại Dương với kim ngạch nhập khẩu tăng lần lượt là 52,5% và 29,4% so với năm 2016.
- Nhập khẩu năm 2017 có 33 nhóm hàng đạt trên 1 tỷ USD, chiếm 88,7% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước. Trong đó hai nhóm hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện và nhóm hàng điện thoại các loại và linh kiện chiếm trên 25,6% tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của cả nước; tiếp theo là máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác chiếm trên 16%;...

Biểu đồ 3: 10 nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn nhất năm 2017 so với năm 2016



III. TÌNH HÌNH NGÀNH LOGISTICS:

3.1 Tình hình chung:

Vận tải hàng hóa đạt 1.442,9 triệu tấn, tăng 9,8% so với năm trước và 268,9 tỷ tấn.km, tăng 6,8%, trong đó:

- Vận tải trong nước đạt 1.410 triệu tấn, tăng 10% và 136,5 tỷ tấn.km, tăng 11%;
- Vận tải ngoài nước đạt 33 triệu tấn, tăng 0,7% và 132,4 tỷ tấn.km, tăng 2,7%.

Xét theo ngành vận tải:

- Đường bộ đạt 1.117,8 triệu tấn, tăng 10,4% và 72,1 tỷ tấn.km, tăng 11,2% so với năm trước;

- Đường sông đạt 249,6 triệu tấn, tăng 7,5% và 53,1 tỷ tấn.km, tăng 8,2%;
- Đường biển đạt 69,6 triệu tấn, tăng 9,4% và 139,2 tỷ tấn.km, tăng 3,9%;
- Đường sắt đạt 5,6 triệu tấn, tăng 8,2% và 3,2 tỷ tấn.km, giảm 19,4%.
- Đường hàng không đạt 0,3 triệu tấn, tăng 21,6% và 3,6 tỷ tấn.km, tăng 11,3%.

Chỉ số giá cước vận tải, kho bãi tăng 2,15% so với năm 2016, trong đó giá cước vận tải đường sắt giảm 6,13%; giá cước vận tải đường bộ và xe buýt tăng 0,64%; đường thủy tăng 0,56%; giá cước vận tải đường hàng không tăng 5,48%; dịch vụ kho bãi và các dịch vụ hỗ trợ vận tải tăng 1,80%.

3.2 Các doanh nghiệp cùng ngành:

- Công ty CP Gemadept (Gemadept):
 - Doanh thu 3.923,2 tỷ đồng, tăng 4,79% so với 2016 và đạt kế hoạch đặt ra; Lợi nhuận trước thuế 650,5 tỷ đồng, tăng 35,3% so với 2016.
- Công ty CP Container Việt Nam (Viconship):
 - Doanh thu 1.302,9 tỷ đồng, tăng 20,4% so với 2016, vượt 13,3% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế 298,5 tỷ đồng, giảm 3,9% so với 2016; vượt 10,5% kế hoạch.
- Công ty cổ phần Logistics Vinalink:
 - Doanh thu 824,85 tỷ đồng, tăng 16,4% so với 2016, vượt 17,8% kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế 31,02 tỷ đồng, tăng 9,7% so với 2016; chỉ đạt 96,9% kế hoạch.

3.3 Thuận lợi:

- Tình hình chính trị, xã hội tương đối ổn định.
- Nhu cầu hàng hóa và dịch vụ của thế giới tiếp tục tăng.
- Thị trường xuất nhập khẩu nói chung và thị trường logistic nói riêng đều có sự gia tăng về sản lượng và chỉ số giá.
- Thị trường Kho bãi trong năm 2017 tiếp tục ổn định và có nhiều triển vọng.

3.4 Khó khăn:

- Cạnh tranh trên thị trường logistic ngày càng gay gắt, số lượng các doanh nghiệp vừa và nhỏ tham gia thị trường ngày càng nhiều.
- Nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp logistics Việt Nam còn thiếu hụt và thiếu chuyên môn.
- Việc ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông (ICT) trong các hoạt động logistics hiện còn ở mức rất khiêm tốn.
- Gánh nặng về chi phí logistics.
- Quy trình hải quan dù đã có những cải cách tuy nhiên vẫn còn bất cập.

IV. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017:

4.1. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- **Kết quả hoạt động SXKD riêng SOTRANS:**

Chỉ tiêu	Năm 2017	So 2016	So KH 2017
	(Tỷ VND)	%	%
Doanh thu	890,37	123	100,5
Lợi nhuận gộp	167,16	123,7	102,8
Lợi nhuận trước thuế	296,88	399,1	98,7
Lợi nhuận sau thuế	287,41	488,4	96,6
Thu nhập BQ/người/tháng	0,014	110,2	101,4

▪ **Kết quả hoạt động SXKD hợp nhất SOTRANS:**

Chỉ tiêu	Năm 2017	So 2016	So KH 2017
	(Tỷ VND)	%	%
Doanh thu	1.454,85	115,3	82,7
Lợi nhuận gộp	280,4	112,5	73,8
Lợi nhuận trước thuế	653,27	499,9	85,2
Lợi nhuận sau thuế	521,28	467,7	82,2

4.2. Các hoạt động tiêu biểu trong năm:

- **Khánh thành Kho Sotrans Phú Mỹ:** ngày 31/03/2017 tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
 - Kho SOTRANS Phú Mỹ có tổng diện tích 50.000 m2, trong đó bao gồm 20.000 m2 kho hàng xá và 10.000 m2 kho hàng tổng hợp. Được thiết kế linh hoạt nên vào các tháng cao điểm của hàng xá; sức chứa hàng xá có thể lên tới 30.000 m2 kho. Hệ thống kho được đầu tư hoàn chỉnh bao gồm hệ thống cân điện tử 80 tấn để hỗ trợ khách hàng trong việc cân tải trọng xe, 2 hệ thống PCCC đảm bảo an toàn hàng hóa.
 - Có vị trí chiến lược liên thông với hệ thống Cảng Cái Mép - Thị Vải.
- **Khánh thành depot Mỹ Phước:**
 - Depot SOTRANS Mỹ Phước có diện tích 4.200 m2 với lợi thế vị trí sát giao lộ Mỹ Phước - Tân Vạn - Võ Văn Kiệt, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương nên dễ dàng kết nối các KCN như KCN Mỹ Phước 1, 2, 3 về khu vực TP. HCM và hệ thống Cảng Bình Dương, Đồng Nai, Long Bình, Cát Lái. Đây là điểm trung chuyển và nâng, hạ container lý tưởng cho khu vực Bình Dương.
 - Depot SOTRANS Mỹ Phước được trang bị xe Reach Stacker 80 tấn với khả năng xếp dỡ 3.000 teus/tháng sẽ giúp tiết kiệm thời gian và chi phí nâng, hạ container cho khách hàng.
 - Depot SOTRANS Mỹ Phước liên thông với hệ thống Logistics mạnh mẽ của SOTRANS giúp khách hàng được phục vụ hiệu quả và rút ngắn thời gian làm hàng.


TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẶNG VŨ THÀNH



PHẦN 4

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM
Về hoạt động kiểm soát năm 2017

- Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát quy định tại khoản 1 Điều 36 Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam được bổ sung sửa đổi lần thứ chín ngày 30/9/2016;
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam đã được kiểm toán;
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội cổ đông thường niên 2018 kết quả hoạt động năm 2017 của Ban Kiểm soát với những nội dung chính sau:

I. Hoạt động và thù lao Ban Kiểm soát:

1.1. Nhân sự Ban kiểm soát:

- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát: 3 thành viên, trong đó:

Nhiệm kỳ 2012-2016: Từ ngày 01/01/2017 – 12/4/2017: 2 thành viên

- o Bà Nguyễn Thị Oanh: Trưởng Ban
- o Bà Trần Thị Thanh Bình: Thành viên

Nhiệm kỳ 2017-2022: Từ ngày 12/4/2017 – 31/12/2017: 3 thành viên

- o Bà Nguyễn Thị Oanh: Trưởng Ban
- o Bà Trần Thị Thanh Bình: Thành viên
- o Bà Ngô Thị Thanh Thủy: Thành viên.

1.2. Các cuộc họp chính của Ban kiểm soát:

- Thông qua các hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017.
- Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động năm 2016 và nhiệm kỳ 2012-2016 và kế hoạch hoạt động năm 2017 trình ĐHĐCĐ.
- Thăm định BCTC Quý 2 và 6 tháng đầu năm 2017.
- Triển khai kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát 6 tháng cuối năm 2017.

1.3. Các hoạt động khác:

- Tham gia các cuộc họp quan trọng của HĐQT.
- Khảo sát các dữ liệu đánh giá tình hình công nợ của Công ty.
- Kiểm tra tính tuân thủ trong việc thực hiện các quyết định, chỉ đạo, và các quy định ban hành.
- Kiểm tra tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính giữa kỳ và cả năm 2017.
- Phối hợp Ban Giám đốc xét chọn thầu đối với việc lựa chọn Đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017. Căn cứ các tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đã trúng thầu kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng, cả năm 2017. Xem xét thư quản lý, cũng như ý kiến phản hồi của ban điều hành công ty.

2. Thù lao Ban Kiểm soát:

- Trong năm 2017, Ban kiểm soát nhận được thù lao của năm 2016 là 60.000.000 đồng.
- Thù lao Ban kiểm soát năm 2017 được trình ĐHĐCĐ thông qua: Trưởng BKS là 3 triệu đồng/tháng, Thành viên BKS là 1 triệu đồng/người/tháng.

II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính công ty:

1. Tình hình hoạt động Công ty:

- Tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh năm 2017 theo báo cáo của Tổng Giám đốc Công ty đã phản ánh phù hợp thực tế. Ban kiểm soát nhất trí các nội dung chủ yếu trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017.
- Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính năm 2017 Công ty, phù hợp với các quy định của pháp luật, với chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.
- Công ty tuân thủ các quy định pháp luật của Nhà nước, thực hiện Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.

2. Tình hình tài chính Công ty:

Một số chỉ tiêu tài chính năm 2017:

Chỉ tiêu	ĐVT	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tổng tài sản	VND	1.839.302.386.199	1.729.309.716.512
+ Tài sản ngắn hạn	VND	323.214.545.627	227.749.062.419
+ Tài sản dài hạn	VND	1.516.087.840.572	1.501.560.654.093
2. Tổng nguồn vốn	VND	1.839.302.386.199	1.729.309.716.512
+ Nợ ngắn hạn	VND	287.295.254.920	221.022.513.526
+ Nợ dài hạn	VND	359.604.401.213	598.493.480.972
+ Vốn chủ sở hữu	VND	1.192.402.730.066	909.793.722.014
3. Doanh thu bán hàng, dịch vụ	VND	890.371.887.744	723.691.353.721
4. Lợi nhuận sau thuế	VND	287.414.919.262	58.839.314.013

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã kiểm toán.

III. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

Trên cơ sở những công việc đã thực hiện, Ban Kiểm soát có những đánh giá như sau:

- Trên cơ sở thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, năm 2017, Hội đồng quản trị công ty đã xây dựng mục tiêu phát triển kế hoạch cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đồng thời, Hội đồng quản trị công ty đã phê chuẩn nhiều vấn đề quan trọng để tăng cường quản lý và định hướng hoạt động của Công ty.
- Trong hoạt động quản lý, Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đúng pháp luật, điều lệ Công ty, thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và định hướng, mục tiêu của Hội đồng quản trị công ty.
- Ban Giám đốc Công ty đã chỉ đạo tốt công tác xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, cùng các biện pháp tổ chức thực hiện. Trong quá trình quản lý, điều hành Ban Giám đốc công ty luôn thể hiện tính chủ động, kịp thời và linh hoạt, đảm bảo mọi hoạt động nhịp nhàng, đồng bộ theo đúng định hướng, mục tiêu đề ra.

IV. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cổ đông:

Ngoài sự giám sát thường xuyên hoạt động của công ty. Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã phối hợp với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý công ty trên nhiều lĩnh vực liên quan trong hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đã hỗ trợ, cung cấp các tài liệu theo yêu cầu của Ban Kiểm soát kịp thời.

V. Kiến nghị:

Qua các vấn đề trình bày, Ban kiểm soát đề xuất các kiến nghị sau:

- Tích cực thu hồi, giảm công nợ phải thu để tránh rủi ro phát sinh công nợ khó đòi.
- Cần nâng cấp chương trình quản lý nhằm gia tăng tính kiểm soát và cung cấp đầy đủ các dữ liệu, thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho công tác quản trị doanh nghiệp.
- Tiếp tục hoàn thiện và ban hành quy trình hoạt động của từng lĩnh vực kinh doanh của Công ty để làm cơ sở đánh giá hoạt động, kiểm tra, phát hiện kịp thời những vấn đề phát sinh gây ảnh hưởng kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

VI. Kế hoạch hoạt động Ban Kiểm soát năm 2018:

Với chức năng, nhiệm vụ quyền hạn đã được quy định, Ban kiểm soát thay mặt cổ đông của Công ty thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty.

Trong năm 2018, Ban kiểm soát sẽ thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thường xuyên và định kỳ, tập trung vào các mặt công tác sau:

- Giám sát công tác xây dựng kế hoạch, các giải pháp, và tình hình thực hiện kế hoạch năm 2018, thực hiện các nội dung khác theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
- Kiểm tra tính tuân thủ trong việc thực hiện các chủ trương, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc công ty.
- Kiểm tra việc chấp hành các quy định về quản lý tài chính kế toán, kiểm tra tính chính xác, trung thực, hợp pháp trong việc lập, sử dụng, luân chuyển và lưu trữ chứng từ kế toán, việc lập báo cáo tài chính năm 2018.
- Trên cơ sở kết quả kiểm tra, có đề xuất, kiến nghị với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc để nâng cao hiệu quả công tác quản trị, điều hành Công ty.
- Thẩm định tính khả thi và hiệu quả của các dự án đầu tư (nếu có).
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát năm 2018.
- Thực hiện các công việc khác khi có yêu cầu của cổ đông.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 của Công ty Cổ phần Kho Vận Miền Nam, và mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý cổ đông để việc tổng hợp, phân tích trong các kỳ báo cáo tới được hoàn thiện hơn.

Trân trọng kính chào.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



NGUYỄN THỊ OANH

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HĐQT, BTGD;
- Lưu BKS, TK.





Top 2 hệ thống kho bãi tại Việt Nam
230.000 m² kho bãi trên toàn quốc



PHẦN 5

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận thông qua việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt và nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch	
Ông Lê Bá Thọ	Phó chủ tịch	
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên	
Ông Đỗ Hoàng Phương	Thành viên	
Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên	
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017
Ông Trần Văn Thịnh	Thành viên	từ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Oanh	Trưởng ban	
Bà Trần Thị Thanh Bình	Thành viên	
Bà Ngô Thị Thanh Thủy	Thành viên	bỏ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Vũ Hoài An	Thành viên	từ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đặng Vũ Thành	Tổng Giám đốc	
Ông Trần Văn Thịnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Hoàng Phương	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2018
Ông Lê Bá Thọ	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 10 tháng 2 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đặng Vũ Thành.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2018

Số tham chiếu: 61113814-19357558/HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”) và các công ty con (“Nhóm Công ty”) được lập ngày 28 tháng 2 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 52, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 2223-2018-004-1

Nguyễn Thùy Trang
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 3213-2015-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.254.526.687.921	761.412.010.727
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	264.761.311.725	179.244.477.731
111	1. Tiền		149.652.112.365	115.898.477.731
112	2. Các khoản tương đương tiền		115.109.199.360	63.346.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		612.298.168.600	232.764.902.081
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	158.744.672.556	32.590.272.558
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6.1	(31.539.517.556)	(8.800.240.477)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	485.093.013.600	208.974.870.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	7	335.709.206.488	308.539.679.578
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		274.095.295.031	261.207.352.311
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		19.743.084.094	20.449.280.318
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		85.400.766.574	69.417.407.932
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(43.529.939.211)	(42.807.293.959)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	272.932.976
140	IV. Hàng tồn kho	8	32.108.737.631	27.591.887.962
141	1. Hàng tồn kho		32.108.737.631	28.351.160.549
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(759.272.587)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		9.649.263.477	13.271.063.375
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	6.187.282.211	3.873.901.025
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	1.716.341.219	9.397.162.350
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	1.745.640.047	-



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND				
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.218.889.000.468	1.528.168.689.231
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	10	3.601.054.370	3.714.707.370
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		917.100.000	2.139.900.000
216	2. Phải thu dài hạn khác		2.683.954.370	1.574.807.370
220	II. Tài sản cố định		590.767.360.487	535.329.491.910
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	513.862.711.570	428.820.586.008
222	Nguyên giá		1.239.911.732.663	1.074.463.878.125
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(726.049.021.093)	(645.643.292.117)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	76.904.648.917	106.508.905.902
228	Nguyên giá		111.359.146.032	122.784.367.659
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(34.454.497.115)	(16.275.461.757)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		36.127.784.877	112.195.168.171
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	36.127.784.877	112.195.168.171
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		478.641.591.130	754.057.117.586
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	14.1	425.628.266.491	432.243.850.972
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.2	1.629.124.639	321.813.266.614
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		51.384.200.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		109.751.209.604	122.872.204.194
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	15.266.960.412	18.793.550.483
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	9.293.644.836	8.637.480.955
269	3. Lợi thế thương mại	4.3	85.190.604.356	95.441.172.756
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.473.415.688.389	2.289.580.699.958

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND				
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		956.061.367.957	1.054.810.624.835
310	I. Nợ ngắn hạn		518.851.292.917	371.940.264.423
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	121.142.477.880	107.693.156.978
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	98.202.942.033	9.925.124.639
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	21.540.703.481	16.231.483.035
314	4. Phải trả người lao động		28.287.980.334	27.391.681.325
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	5.884.229.836	5.320.747.952
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		36.117.392.909	36.050.598.364
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	162.666.303.031	145.856.624.303
320	8. Vay ngắn hạn	20	34.510.690.907	16.828.577.495
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		56.517.330	989.150.620
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		10.442.055.176	5.653.119.712
330	II. Nợ dài hạn		437.210.075.040	682.870.360.412
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	16.260.442.500	8.571.589.000
338	2. Vay dài hạn	20	403.854.136.961	651.639.155.835
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.3	11.627.021.331	16.926.427.127
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	21	5.468.474.248	5.733.188.450
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.517.354.320.432	1.234.770.075.123
410	I. Vốn chủ sở hữu		1.517.354.320.432	1.234.770.075.123
411	1. Vốn cổ phần	22.1	854.378.790.000	854.378.790.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		854.378.790.000	854.378.790.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	22.1	(2.033.034.900)	(2.033.034.900)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	22.1	2.710.917.376	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.1	408.866.440.266	35.210.928.078
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		20.542.208.276	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		388.324.231.990	35.210.928.078
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	23	253.431.207.690	347.213.391.945
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.473.415.688.389	2.289.580.699.958


Nguyễn Thị Thu Trang
Người lập


Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng


Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 2 năm 2018



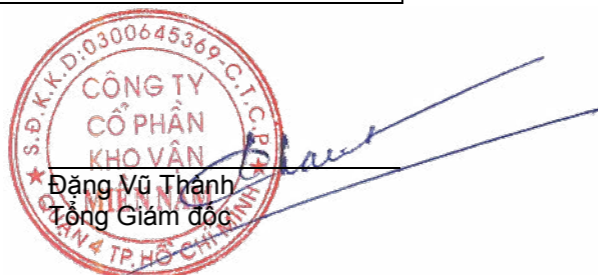
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.454.854.769.890	1.261.252.195.496
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	-	(3.443.095.476)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	1.454.854.769.890	1.257.809.100.020
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25, 28	(1.174.454.256.445)	(1.008.494.407.996)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		280.400.513.445	249.314.692.024
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	589.584.205.314	31.073.840.733
22	7. Chi phí tài chính	26	(80.654.327.059)	(63.990.044.653)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(49.145.016.796)	(59.820.036.382)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết		26.122.399.122	25.425.650.648
25	9. Chi phí bán hàng	27, 28	(91.660.639.986)	(72.207.933.057)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27, 28	(111.410.952.184)	(91.922.947.376)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		612.381.198.652	77.693.258.319
31	12. Thu nhập khác	29	42.199.764.276	57.418.775.874
32	13. Chi phí khác	29	(1.309.328.178)	(4.422.265.246)
40	14. Lợi nhuận khác		40.890.436.098	52.996.510.628
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		653.271.634.750	130.689.768.947
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(137.949.209.191)	(30.841.558.658)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	5.955.569.677	11.607.127.570
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		521.277.995.236	111.455.337.859
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		388.324.231.990	86.388.224.195
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	23	132.953.763.246	25.067.113.664
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22.3	4.545	1.936
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22.3	4.545	1.936

Nguyễn Thị Thu Trang
Người lập

Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



Ngày 28 tháng 2 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		653.271.634.750	130.689.768.947
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn		122.764.645.694	67.469.498.572
03	Trích lập (hoàn nhập) dự phòng		23.160.955.368	(2.739.697.845)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.478.112.423	289.224.931
05	Lãi từ hoạt động đầu tư và nhận hỗ trợ di dời		(600.606.621.955)	(101.114.924.997)
06	Chi phí lãi vay	26	49.145.016.796	59.820.036.382
07	Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	26	2.262.015.616	2.052.222.222
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		251.475.758.692	156.466.128.212
09	Tăng các khoản phải thu		(7.777.642.004)	(40.026.518.553)
10	Tăng hàng tồn kho		(3.757.577.082)	(20.265.134.665)
11	Giảm các khoản phải trả		168.580.215.470	40.730.647.301
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		1.213.208.885	(2.106.327.880)
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		(126.154.399.998)	-
14	Tiền lãi vay đã trả		(49.865.349.747)	(56.431.402.544)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(134.726.959.261)	(24.450.921.144)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.562.360.914)	(2.265.089.013)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		95.424.894.041	51.651.381.714
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(97.592.894.587)	(165.062.443.432)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản và nhận hỗ trợ di dời		22.708.585.148	136.666.693.832
23	Tiền chi ủy thác đầu tư và gửi ngân hàng có kỳ hạn		(833.245.443.600)	(288.974.870.000)
24	Tiền thu hồi từ ủy thác đầu tư và gửi ngân hàng có kỳ hạn		505.743.100.000	50.000.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(132.996.475.000)	(943.617.164.839)
26	Tiền thu hồi từ thanh lý khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		845.880.000.000	39.940.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.063.949.417	66.575.956.143
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		319.560.821.378	(1.104.471.828.296)



VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	22.1	-	686.984.415.100
31	Vốn góp từ cổ đông không kiểm soát	23	-	2.624.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	20	165.654.204.217	574.370.613.116
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	20	(399.476.409.747)	(433.280.907.468)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông của công ty mẹ	22.4	(7.744.000)	(11.584.400)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát	23	(95.665.804.500)	(16.691.653.664)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(329.495.754.030)	813.994.882.684
50	Tăng (giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong năm		85.489.961.389	(238.825.563.898)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		179.244.477.731	418.025.035.540
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		26.872.605	45.006.089
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	264.761.311.725	179.244.477.731


Nguyễn Thị Thu Trang
Người lập


Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng



Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2018

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty bao gồm Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam (“Công ty”), các công ty con và các công ty liên doanh và liên kết như sau:

Công ty

Công ty tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 612TM/TCCB do Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) cấp ngày 28 tháng 5 năm 1993. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) đầu tiên của Công ty số 102783 được Ban Trọng tài Kinh tế cấp ngày 16 tháng 6 năm 1993 và sau đó được sửa đổi bằng GCNĐKKD số 4106000166 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 5 năm 2006.

Vào ngày 27 tháng 9 năm 2006, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 1546/QĐ-BTM do Bộ Thương mại cấp. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận thông qua việc cấp GCNĐKKD số 0300645369 vào ngày 29 tháng 12 năm 2006 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDHCM”) theo Quyết định Niêm yết số 22/QĐ-SGDHCM do SGDHCM cấp ngày 4 tháng 2 năm 2010.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc; xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức; đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa; đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh); mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt - nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Hạ tầng Sotrans (“SII”)

Công ty sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của SII, một công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313558071 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 12 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SII là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa, bốc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa. SII có trụ sở đăng ký tại số 1B Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương Thức Vietranstimex (“Vietranstimex”)

Công ty sở hữu 84% vốn chủ sở hữu của Vietranstimex, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0400101901 do SKHĐT Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 1 tháng 11 năm 2010 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Vietranstimex là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải đường bộ, đường sắt, đường thủy, cho thuê kho bãi, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải. Vietranstimex có trụ sở đăng ký tại số 80-82, Đường Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Công ty con (tiếp theo)

Công ty TNHH Một thành viên Sotrans Hà Tĩnh (“Sotrans Hà Tĩnh”)

Công ty sở hữu 100% vốn chủ sở hữu của Sotrans Hà Tĩnh, trước đây là Công ty Cổ phần Thương mại và Tiếp vận Quốc tế Bảo Tín, hiện là một trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3001806817 do SKHĐT Tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 3 tháng 12 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Sotrans Hà Tĩnh là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải. Sotrans Hà Tĩnh có trụ sở đăng ký tại Phường Kỳ Thịnh, Thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam (“Cảng Miền Nam”)

Công ty sở hữu 51% vốn chủ sở hữu của Cảng Miền Nam, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313440288 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2015 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Cảng Miền Nam là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải. Cảng Miền Nam có trụ sở đăng ký tại số 9 Xa Lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam (“Sowatco”)

Công ty nắm giữ 84,4% quyền biểu quyết gián tiếp tại Sowatco, một công ty cổ phần kiểm soát bởi SII được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103013615 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 6 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Sowatco là vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng container; đại lý vận tải; cung cấp hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn); cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đóng tàu và cấu kiện nổi; sửa chữa tàu thuyền; chuẩn bị mặt bằng sản xuất, bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cung ứng và quản lý nguồn lao động; và đại lý kinh doanh dầu và dầu nhờn. Sowatco có trụ sở đăng ký tại số 298 Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình (“ECCO”)

Công ty nắm giữ 86,15% quyền biểu quyết gián tiếp tại ECCO, một công ty cổ phần kiểm soát bởi Sowatco được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103000067 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 5 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của ECCO là xây dựng các công trình dân dụng. ECCO có trụ sở đăng ký tại số 202 Lê Lai, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện thủy Cần Thơ (“Cần Thơ Shipyard”)

Công ty nắm giữ 70% quyền biểu quyết gián tiếp tại Cần Thơ Shipyard, một công ty cổ phần kiểm soát bởi Sowatco được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 5703000110 do SKHĐT Thành phố Cần Thơ cấp ngày 14 tháng 9 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Cần Thơ Shipyard là cung cấp các dịch vụ đóng tàu và các cấu kiện nổi. Cần Thơ Shipyard có trụ sở đăng ký tại số 77B Trần Phú, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam (“SOWATMES”)

Công ty nắm giữ 51% quyền biểu quyết gián tiếp tại SOWATMES, một công ty cổ phần kiểm soát bởi Sowatco được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001933 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 11 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATMES là xây dựng các công trình dân dụng. SOWATMES có trụ sở đăng ký tại số 59 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Công ty liên doanh và liên kết

Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier (“The Pier”)

Công ty sở hữu 50% vốn chủ sở hữu của The Pier, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313877800 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 6 năm 2016. Hoạt động chính của The Pier là kinh doanh bất động sản. The Pier có trụ sở đăng ký tại Phòng 1606, Lầu 16, Tòa nhà Sailing, số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO (“SORECO”)

Công ty sở hữu 50% vốn chủ sở hữu của SORECO, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312576215 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 12 năm 2013 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SORECO là kinh doanh bất động sản. SORECO có trụ sở đăng ký tại tầng 16, tòa nhà Sailing, số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty TNHH Lô-Gi-Stíc Gefco – Sotrans (“Gefco – Sotrans Logistics”)

Công ty sở hữu 24,5% vốn chủ sở hữu của Gefco - Sotrans Logistics, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 411022000830 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 6 năm 2015. Hoạt động chính của Gefco - Sotrans Logistics là dịch vụ vận tải đường bộ. Gefco - Sotrans Logistics có trụ sở đăng ký tại số 55-57 Nguyễn Văn Giai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần MHC (“MHC”)

Công ty sở hữu 23% vốn chủ sở hữu của MHC, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0100793715 do SKHĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 19 tháng 11 năm 1998 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của MHC là cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan tới vận tải, vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy nội địa và bốc xếp hàng hóa, MHC có trụ sở đăng ký tại tầng 7, tòa nhà Hải An, Km2, đường Đình Vũ, Phường Đông Hải, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 (“VICT”)

Công ty nắm giữ 37% quyền biểu quyết gián tiếp tại VICT, một doanh nghiệp liên doanh mà Sowatco có ảnh hưởng đáng kể được thành lập theo Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt Nam và Luật Đầu tư hiện hành theo Giấy phép Đầu tư (“GPĐT”) số 996/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 22 tháng 9 năm 1994 và theo các GPĐT điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của VICT là xây dựng và kinh doanh khu cảng container tại Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh và kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa và vận chuyển container bằng đường bộ cho các khách hàng trực tiếp sử dụng dịch vụ cảng container, VICT có trụ sở đăng ký tại Đường A5, Khu phố 5, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam (“SOWATCOSER”)

Công ty nắm giữ 26,27% quyền biểu quyết gián tiếp tại SOWATCOSER, một công ty cổ phần mà Sowatco có ảnh hưởng đáng kể được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0303215396 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 4 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATCOSER là cung cấp các hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. SOWATCOSER có trụ sở đăng ký tại số 38 Tôn Thất Thuyết, Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Công ty liên doanh và liên kết (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 ("SOWATCO-ECO 747")

Công ty nắm giữ 49% quyền biểu quyết gián tiếp tại SOWATCO-ECO 747, một công ty cổ phần mà Sowatcocó ảnh hưởng đáng kể được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo CNĐKKD số 2900751997 do SKHĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 7 tháng 6 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của SOWATCO-ECO 747 là xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, SOWATCO-ECO 747 có trụ sở đăng ký tại số 161/1 Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Số lượng công nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.189 (31 tháng 12 năm 2016: 1.239).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 **Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 **Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 **Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cùng kỳ báo cáo với Công ty theo các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho chủ yếu bao gồm hàng hóa với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 **Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được trích hao mòn theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 40 năm
Máy móc và thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Trang web	5 năm
Lợi thế quyền thuê đất	2 - 38 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh với giá trị lớn được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong ba năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Sở Tài Nguyên và Môi Trường Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 31 tháng 1 năm 2008 và 1 tháng 7 năm 2008 và trả tiền hằng năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền biểu quyết.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của Nhóm Công ty trong lợi nhuận của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các chứng khoán kinh doanh và khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư, nếu phát sinh, được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty(VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được tạo ra từ hoạt động cung cấp dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải, kinh doanh thương mại (xăng dầu, nhớt), cơ khí đóng tàu, xây dựng và xuất khẩu lao động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Các giao dịch hợp nhất kinh doanh được hạch toán kế toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày mua, không tính đến lợi ích của cổ đông thiểu số.

Lợi thế thương mại được xác định ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch của giá phí hợp nhất so với phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng. Nếu giá phí hợp nhất thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được hợp nhất, phần chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định bằng nguyên giá trừ giá trị phân bổ lũy kế. Việc phân bổ lợi thế thương mại được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm, là thời gian thu hồi lợi ích kinh tế có thể mang lại cho Nhóm Công ty.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

4.1 Mua thêm cổ phần của Sotrans Hà Tĩnh

Vào ngày 24 tháng 4 năm 2017, Nhóm Công ty đã mua thêm 1.408.000 cổ phiếu của Sotrans Hà Tĩnh từ các cổ đông không kiểm soát, tương đương với 49% tỷ lệ sở hữu trong công ty con này với tổng giá mua là 35.200.000.000 VND, làm tăng tỷ lệ sở hữu từ 51% lên 100%.

Việc mua thêm quyền sở hữu trong Sotrans Hà Tĩnh chủ yếu là để tăng quyền kiểm soát đối với các hoạt động kinh doanh của công ty con này. Số chênh lệch giữa giá mua so với phần sở hữu trong giá trị tài sản thuần của Sotrans Hà Tĩnh vào ngày mua là 15.111.804.924 VND được ghi nhận giảm tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (*Thuyết minh số 22.1*).

4.2 Mua thêm cổ phần của Sowatco

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2017, Nhóm Công ty đã mua thêm 6.300.000 cổ phiếu của Sowatco từ các cổ đông không kiểm soát, tương đương với 9,3% tỷ lệ sở hữu trong công ty con này với tổng giá mua là 97.796.475.000 VND, làm tăng tỷ lệ sở hữu từ 75,1% lên 84,4%.

Việc mua thêm quyền sở hữu trong Sowatco chủ yếu là để tăng quyền kiểm soát đối với các hoạt động kinh doanh của công ty con này. Số chênh lệch giữa giá mua so với phần sở hữu trong giá trị tài sản thuần của Sowatco vào ngày mua là 11.505.298.877 VND được ghi nhận tăng tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (*Thuyết minh số 22.1*).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI (tiếp theo)

4.3 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian 10 năm kể từ ngày mua. Giá trị phân bổ trong năm và giá trị phân bổ lũy kế vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm được trình bày như sau:

	VND		
	Sowatco	Vietranstimex	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm và số cuối năm	77.569.081.610	24.936.602.386	102.505.683.996
Phân bổ lũy kế			
Số đầu năm	5.817.681.121	1.246.830.119	7.064.511.240
Phân bổ trong năm	7.756.908.161	2.493.660.239	10.250.568.400
Số cuối năm	13.574.589.282	3.740.490.358	17.315.079.640
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	71.751.400.489	23.689.772.267	95.441.172.756
Số cuối năm	63.994.492.328	21.196.112.028	85.190.604.356

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	7.293.239.806	8.479.191.788
Tiền gửi ngân hàng	142.358.872.559	107.419.285.943
Các khoản tương đương tiền(*)	115.109.199.360	63.346.000.000
TỔNG CỘNG	264.761.311.725	179.244.477.731

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới ba tháng và hưởng lãi suất theo lãi suất tiền gửi có thể áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

6.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị hợp lý		
Ủy thác đầu tư (i)	80.500.000.000	(19.148.893.320)	61.351.106.680	30.000.000.000	(7.654.875.419)	22.345.124.581
Chứng chỉ quỹ (ii)	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-	-	-
Chứng khoán niêm yết	27.688.672.556	(12.390.624.236)	15.298.048.320	127.872.558	(119.740.058)	8.132.500
Trong đó:						
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng	27.560.799.998	(12.269.299.998)	15.291.500.000	126.752.447	(119.015.647)	7.736.800
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà	126.752.447	(120.756.427)	5.996.020	1.120.111	(724.411)	395.700
Chứng khoán khác	1.120.111	(567.811)	552.300	-	-	-
Chứng khoán chưa niêm yết	556.000.000	-	556.000.000	2.462.400.000	(1.025.625.000)	1.436.775.000
Trong đó:						
Công ty Cổ phần Dệt May Gia Định - Phong Phú	417.000.000	-	417.000.000	417.000.000	-	417.000.000
Công ty Cổ phần Dệt Vải Phong Phú	139.000.000	-	139.000.000	139.000.000	-	139.000.000
Công ty Cổ phần Thép Biên Hòa	-	-	-	1.537.500.000	(1.025.625.000)	511.875.000
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	-	-	-	368.900.000	-	368.900.000
TỔNG CỘNG	158.744.672.556	(31.539.517.556)	127.205.155.000	32.590.272.558	(8.800.240.477)	23.790.032.081

(i) Đây là khoản ủy thác cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát với thời hạn không quá mười hai (12) tháng nhằm mục đích đầu tư vào các loại chứng khoán và các giấy tờ có giá tại Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản ủy thác đầu tư này bao gồm khoản đầu tư vào 1.710.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vinataba với giá trị hợp lý là 14.364.000.000 VND; 7.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần DAP - Vinachem với giá trị hợp lý là 46.900.000.000 VND; và tiền gửi với số tiền là 87.106.680 VND.

(ii) Đây là khoản chứng chỉ quỹ phát hành bởi Quỹ Đầu tư Khám phá Giá trị Ngân hàng Công Thương Việt Nam và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Ngân hàng Công Thương Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	62.793.013.600	73.974.870.000
Ủy thác đầu tư – số thuần (ii)	422.300.000.000	135.000.000.000
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	422.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB	-	135.000.000.000
TỔNG CỘNG	485.093.013.600	208.974.870.000

- (i) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn mười hai (12) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 5,3%/năm đến 7,9%/năm. Trong đó, Nhóm Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Chi nhánh Phạm Ngọc Thạch với số tiền là 50.000.000.000 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 20.3).
- (ii) Đây là các khoản ủy thác cho các công ty quản lý quỹ đầu tư với thời hạn không quá mười hai (12) tháng nhằm mục đích đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp tại Việt Nam.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn củakhách hàng	274.095.295.031	261.207.352.311
Trong đó:		
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	12.706.299.794	15.092.785.375
Công ty TNHH Cosco Logistics Kumming	25.513.826.633	24.916.696.805
Liên doanh Việt – Nga Vietsovetro	12.210.352.000	-
Công ty Cổ phần Ô tô Trường Hải	5.354.732.510	12.389.069.400
Khách hàng khác	218.310.084.094	208.808.800.731
Trả trước cho người bán ngắn hạn	19.743.084.094	20.449.280.318
Trong đó:		
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Xây dựng Cẩm Anh	8.773.817.614	8.773.817.614
Công ty Cổ phần Hàng hải và Dịch vụ Kỹ thuật TJS	3.555.000.000	-
Công ty Cổ phầnĐầu tư vàXây dựng Tây Hồ	2.139.900.000	1.222.800.000
Công ty TNHH MTV Thương mại M.H.P	-	3.793.888.000
Người bán khác	5.274.366.480	6.658.774.704

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác	85.400.766.574	69.417.407.932
Trong đó:		
Phí vận chuyển trả hộ	21.078.008.817	16.963.735.329
Tạm ứng cho nhân viên	20.316.556.385	23.168.892.948
Phải thu về tiền lương, bảo hiểm xã hội của thuyền viên từ các đại lý	15.770.044.444	5.974.236.111
Phải thu lãi hoạt động ủy thác đầu tư	15.434.681.475	16.134.815.723
Chi hộ	6.528.868.026	-
Ký quỹ ngắn hạn	2.511.919.585	2.607.235.000
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.265.819.120	1.602.514.420
Phải thu ngắn hạn khác	1.494.868.722	2.965.978.401
Tài sản thiếu chờ xử lý - Hàng tồn kho	-	272.932.976
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(43.529.939.211)	(42.807.293.959)
GIÁ TRỊ THUẦN	335.709.206.488	308.539.679.578

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	42.807.293.959	7.086.472.884
Tăng do mua các công ty con	-	32.892.621.632
Dự phòng trích lập trong năm	3.421.110.092	5.078.467.157
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(2.698.464.840)	(2.250.267.714)
Số cuối năm	43.529.939.211	42.807.293.959

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.630.099.786	4.174.890.571
Nguyên liệu, vật liệu	12.409.836.860	10.439.600.016
Hàng mua đang đi đường	2.548.413.391	-
Hàng hóa	1.460.014.362	13.295.755.671
Công cụ, dụng cụ	60.373.232	440.914.291
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(759.272.587)
GIÁ TRỊ THUẦN	32.108.737.631	27.591.887.962



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	759.272.587	282.257.003
Tăng do mua các công ty con	-	501.170.847
Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(759.272.587)	(24.155.263)
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>759.272.587</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	6.187.282.211	3.873.901.025
<i>Trong đó</i>		
<i>Công cụ, dụng cụ</i>	1.803.265.182	750.811.759
<i>Khác</i>	4.384.017.029	3.123.089.266
Dài hạn	15.266.960.412	18.793.550.483
<i>Trong đó</i>		
<i>Thuê đất</i>	4.521.045.363	9.551.649.725
<i>Phí tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp</i>	4.304.161.403	5.865.126.668
<i>Phí bảo trì</i>	3.009.202.527	2.047.802.944
<i>Công cụ, dụng cụ</i>	2.250.438.225	323.446.619
<i>Khác</i>	1.182.112.894	1.005.524.527
TỔNG CỘNG	<u>21.454.242.623</u>	<u>22.667.451.508</u>

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán dài hạn	917.100.000	2.139.900.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tây Hồ	917.100.000	2.139.900.000
Phải thu dài hạn khác		
Kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn	2.683.954.370	1.574.807.370
TỔNG CỘNG	<u>3.601.054.370</u>	<u>3.714.707.370</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND					VND	
			Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	329.812.592.964	59.761.147.469	680.501.975.091	4.388.162.601	1.074.463.878.125	150.065.455.383	1.074.463.878.125
Đầu tư XDCB hoàn thành	121.729.331.300	256.793.000	28.079.331.083	-	-	-	150.065.455.383
Mua trong năm	2.403.793.314	1.336.590.115	25.210.946.071	1.157.912.154	30.109.241.654	(90.000.000)	30.109.241.654
Thanh lý trong năm	(272.727.272)	(1.656.428.571)	(12.482.686.656)	-	(14.501.842.499)	-	(14.501.842.499)
Giảm khác	-	(225.000.000)	-	-	-	-	(225.000.000)
Số cuối năm	453.672.990.306	59.473.102.013	721.309.565.589	5.456.074.755	1.239.911.732.663	-	1.239.911.732.663
<i>Trong đó:</i>							
<i>Đã khấu hao hết</i>	49.366.135.532	36.762.793.328	280.273.698.873	2.968.840.540	369.371.468.273	-	369.371.468.273
<i>Hư hỏng</i>	3.830.000.000	-	-	-	3.830.000.000	-	3.830.000.000
Giá trị khấu hao lũy kế							
Số đầu năm	135.306.813.299	50.085.244.401	456.445.673.982	3.805.560.435	645.643.292.117	-	645.643.292.117
Khấu hao trong năm	18.834.054.435	4.101.131.943	70.960.949.596	252.284.699	94.148.420.673	-	94.148.420.673
Thanh lý trong năm	(130.984.851)	(1.555.509.207)	(11.730.886.932)	(90.000.000)	(13.507.380.990)	-	(13.507.380.990)
Giảm khác	-	(235.310.707)	-	-	-	-	(235.310.707)
Số cuối năm	154.009.882.883	52.395.556.430	515.675.736.646	3.967.845.134	726.049.021.093	-	726.049.021.093
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	194.505.779.665	9.675.903.068	224.056.301.109	582.602.166	428.820.586.008	-	428.820.586.008
Số cuối năm	299.663.107.423	7.077.545.583	205.633.828.943	1.488.229.621	513.862.711.570	-	513.862.711.570
<i>Trong đó: thế chấp để đảm bảo cho</i>							
<i>Các khoản vay ngắn hạn</i>							
<i>(Thuyết minh số 20.1)</i>			7.005.298.132	-	-	-	7.005.298.132
<i>Các khoản vay dài hạn</i>							
<i>(Thuyết minh số 20.3)</i>							
							14.614.280.088



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Lợi thế quyền thuê đất	Trang web	VND Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	81.165.924.700	3.365.747.086	38.090.832.844	161.863.029	122.784.367.659
Mua trong năm	-	603.215.000	-	-	603.215.000
Tặng khác	10.487.400	-	-	-	10.487.400
Thanh lý trong năm	(3.523.766.400)	(186.621.263)	-	-	(3.710.387.663)
Giảm khác	(8.328.536.364)	-	-	-	(8.328.536.364)
Số cuối năm	69.324.109.336	3.782.340.823	38.090.832.844	161.863.029	111.359.146.032
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	1.016.430.750	-	161.863.029	1.178.293.779
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Số đầu năm	-	2.560.466.085	13.553.132.643	161.863.029	16.275.461.757
Hao mòn trong năm	-	277.331.967	18.088.324.654	-	18.365.656.621
Thanh lý	-	(186.621.263)	-	-	(186.621.263)
Số cuối năm	-	2.651.176.789	31.641.457.297	161.863.029	34.454.497.115
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	81.165.924.700	805.281.001	24.537.700.201	-	106.508.905.902
Số cuối năm	69.324.109.336	1.131.164.034	6.449.375.547	-	76.904.648.917
Trong đó:					
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 20.1)	7.552.136.460	-	-	-	7.552.136.460

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tàu chở hàng	27.559.893.750	14.571.109.942
Máy móc và phương tiện vận chuyển đang lắp đặt	2.782.498.168	-
Dự án Trung tâm Logistis Sotran Phú Mỹ	-	97.113.939.047
Khác	5.785.392.959	510.119.182
TỔNG CỘNG	36.127.784.877	112.195.168.171

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

14.1 Đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết

Công ty liên doanh và liên kết	Giá trị đầu tư			
	Tỷ lệ sở hữu %	Số đầu năm VND	Tỷ lệ sở hữu %	Số cuối năm VND
VICT	37,00	305.071.802.442	37,00	313.933.474.721
MHC	23,00	97.442.052.089	23,00	94.569.097.450
The Pier	50,00	9.973.352.521	50,00	9.986.041.994
SORECO	50,00	9.947.501.877	50,00	9.959.525.726
SOWATCOSER	26,27	3.193.557.562	26,27	3.204.879.449
Gefco – Sotrans Logistics	24,50	-	24,50	590.831.632
SOWATCO-ECO 747	49,00	-	49,00	-
TỔNG CỘNG		425.628.266.491		432.243.850.972



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty liên doanh và liên kết (tiếp theo)

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

	VND						
	Gefco – Sotrans Logistics	MHC	SORECO	The Pier	SOWATCO -ECO 747 SOWATCOSER	VICT	Tổng cộng
Giá trị đầu tư							
Số đầu năm và số cuối năm	4.162.060.000	94.533.700.078	10.000.000.000	10.000.000.000	3.561.349.400	3.039.240.000	155.730.813.876
Phần lũy kế (lỗ) lợi nhuận của các công ty liên doanh, liên kết							
Số đầu năm	(3.571.228.368)	35.397.372	(40.474.274)	(13.958.006)	(3.561.349.400)	165.639.449	158.202.660.845
Phân phối (lỗ) lợi nhuận trong năm	(590.831.632)	2.872.954.639	(12.023.849)	(12.689.474)	-	(11.321.886)	23.876.311.324
Cổ tức nhận được trong năm	-	-	-	-	-	-	(32.737.983.603)
Số cuối năm	(4.162.060.000)	2.908.352.011	(52.498.123)	(26.647.480)	(3.561.349.400)	154.317.563	149.340.988.566
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	590.831.632	94.569.097.450	9.959.525.726	9.986.041.994	-	3.204.879.449	313.933.474.721
Số cuối năm	-	97.442.052.089	9.947.501.877	9.973.352.520	-	3.193.557.563	305.071.802.442

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Giá gốc khoản đầu tư	Số cuối năm		Số đầu năm		VND
	Giá trị VND	% sở hữu	Giá trị VND	% sở hữu	
Công ty TNHH Liên doanh BNX – Vietransimex	816.000.000	50	816.000.000	50	
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn - Hiệp Phước	440.000.000	0,05	440.000.000	0,05	
Công ty Cổ phần Xuất khẩu thủy Miền Nam	373.124.639	-	373.124.639	-	
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Keppel Land Watco	-	-	320.184.141.975	16,00	
TỔNG CỘNG	1.629.124.639		321.813.266.614		

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Quảng cáo Tiếp thị Ban Mai	17.505.042.101	4.901.187.628
Công ty Cổ phần SCI	-	19.197.109.863
Người bán khác	103.637.435.779	83.594.859.487
TỔNG CỘNG	121.142.477.880	107.693.156.978

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bên liên quan (Thuyết minh số 31)		
Bà Ngô Thị Hiền	80.000.000.000	-
Khác	-	5.611.476.950
	18.202.942.033	4.313.647.689
TỔNG CỘNG	98.202.942.033	9.925.124.639



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.440.077.567	96.775.321.786	(96.297.789.415)	3.917.609.938
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.852.570.049	137.949.209.191	(134.398.104.654)	15.403.674.586
Thuế thu nhập cá nhân	933.096.473	11.040.523.241	(10.568.378.483)	1.405.241.231
Thuế khác	5.738.946	2.215.174.937	(1.406.736.157)	814.177.726
TỔNG CỘNG	16.231.483.035	247.980.229.155	(242.671.008.709)	21.540.703.481

	VND			
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	9.397.162.350	48.734.208.715	(56.415.029.846)	1.716.341.219
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	-	10.442.525.862	(8.696.885.815)	1.745.640.047
Trong đó:				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	328.854.607	-	328.854.607
Thuế khác	-	10.113.671.255	(8.696.885.815)	1.416.785.440

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	3.230.300.887	3.950.633.838
Khác	2,653,928,949	1.370.114.114
TỔNG CỘNG	5,884,229,836	5,320,747,952

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	162.666.303.031	145.856.624.303
Nhận tạm ứng hỗ trợ di dời (i)	40.000.000.000	40.000.000.000
Nhận tạm ứng thanh lý các khoản đầu tư (ii)	39.940.000.000	39.940.000.000
Phải trả cho thuyền viên	29.716.899.836	24.816.406.061
Doanh thu chưa thực hiện	12.286.843.947	5.093.817.573
Ký cược, ký quỹ	7.077.651.600	9.451.488.497
Khác	33.644.907.648	26.554.912.172
Dài hạn	16.260.442.500	8.571.589.000
Nhận ký quỹ, ký cược	12.811.700.000	7.177.600.000
Khác	3.448.742.500	1.393.989.000
TỔNG CỘNG	178.926.745.531	154.428.213.303
Trong đó:		
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 31)	40.816.000.000	40.000.000.000
Phải trả Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C	39.940.000.000	39.940.000.000
Phải trả các bên khác	98.170.745.531	74.488.213.303

(i) Đây là khoản nhận tạm ứng hỗ trợ từ SORECO theo Thỏa thuận Hỗ trợ Di dời về việc giải phóng và bàn giao khu đất tại Km9, Xa lộ Hà Nội, Phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Thỏa thuận tạm thời quản lý Khu đất, Công ty và SORECO đồng ý gia hạn thời hạn di dời đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.

(ii) Đây là khoản nhận tạm ứng từ Công ty Cổ phần Phát triển và Tài trợ Địa ốc R.C theo các Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư số 01/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS và số 02/2016/HĐHT/REFICO&SOTRANS về việc chuyển nhượng cổ phần của The Pier và SORECO.

20. VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	34.510.690.907	16.828.577.495
Vay từ ngân hàng	33.032.054.181	15.772.006.106
Vay dài hạn đến hạn trả	1.478.636.726	1.056.571.389
Vay dài hạn	403.854.136.961	651.639.155.835
Trái phiếu thường trong nước	348.314.237.838	596.052.222.222
Vay từ ngân hàng	55.539.899.123	55.586.933.613
TỔNG CỘNG	438.364.827.868	668.467.733.330



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay như sau:

			VND
	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
Số đầu năm	16.828.577.495	651.639.155.835	668.467.733.330
Tiền thu từ đi vay	165.654.204.217	-	165.654.204.217
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	1.478.636.726	(1.478.636.726)	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	(149.450.727.531)	(250.025.682.216)	(399.476.409.747)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	-	2.262.015.616	2.262.015.616
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	1.457.284.452	1.457.284.452
Số cuối năm	34.510.690.907	403.854.136.961	438.364.827.868

20.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Nhóm Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	28.461.054.181	Ngày 29 tháng 3 năm 2018	5,5 – 7	Quyền sử dụng đất.
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng	4.571.000.000	Ngày 20 tháng 2 năm 2018	5,47	Phương tiện vận tải.
TỔNG CỘNG	33.032.054.181			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Trái phiếu thường trong nước

Chi tiết trái phiếu vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Ngày phát hành	Giá trị VND	Kỳ hạn
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (i)	Ngày 23 tháng 12 năm 2015	150.000.000.000	6 năm
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Việt Cát (ii)	Ngày 19 tháng 4 năm 2016	130.000.000.000	3 năm
Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (iii)	Ngày 22 tháng 6 năm 2016	70.000.000.000	3 năm
Chi phí phát hành trái phiếu		(1.685.762.162)	
TỔNG CỘNG		348.314.237.838	

(i) Vào ngày 23 tháng 12 năm 2015, Nhóm Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 400 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (“Vietinbank”) đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau sáu (6) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 5,87%/năm cho kỳ ba tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ ba tháng tiếp theo sẽ bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Vietinbank cộng với biên độ 3,5%/năm. Công ty được quyền mua lại trái phiếu trước hạn sau hai (2) năm kể từ ngày phát hành hoặc duy trì các khoản tiền gửi (bao gồm cả tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn) tại ngân hàng Vietinbank và các khoản tiền gửi này sẽ được phong tỏa sao cho tổng số dư các khoản tiền gửi này là:

- tối thiểu tương đương 100 tỷ VND từ thời điểm hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày phát hành; và
- tối thiểu tương đương 200 tỷ VND từ thời điểm ba mươi sáu (36) tháng đến bốn mươi tám (48) tháng kể từ ngày phát hành.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung và tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là 36.905.000 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam do Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans sở hữu.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.2 Trái phiếu thường trong nước (tiếp theo)

(ii) Vào ngày 19 tháng 4 năm 2016, Nhóm Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 130 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Công ty Cổ phần Quản lý Quý Việt Cát ("Việt Cát") đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau ba (3) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 10%/năm cho kỳ sáu tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ sáu tháng tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng với biên độ 3,5%/năm.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung và tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là 7.316.180 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận Tải Đa Phương Thức Vietranstimex, trong đó 7.217.806 cổ phiếu do Công ty sở hữu và 98.374 cổ phiếu do Công ty Cổ phần SCI sở hữu; và 3.279.317 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam do Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans sở hữu.

(iii) Vào ngày 22 tháng 6 năm 2016, Nhóm Công ty đã phát hành trái phiếu với tổng giá trị là 70 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 1 tỷ VND) do Công ty TNHH MTV Bảo hiểm Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đặt mua.

Trái phiếu này được hoàn trả sau ba (3) năm kể từ ngày phát hành với lãi suất 10%/năm cho kỳ sáu tháng đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ sáu tháng tiếp theo sẽ bằng trung bình cộng của lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam kỳ hạn mười hai (12) tháng được công bố tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cộng với biên độ 3,5%/năm.

Tổng số tiền thu từ đợt phát hành này được sử dụng để bổ sung và tái cơ cấu nguồn vốn hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty.

Tài sản đảm bảo cho trái phiếu này là 4.500.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Vận Tải Đa Phương Thức Vietranstimex do Công ty sở hữu và 5.000.000 cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam do Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng Sotrans sở hữu.

20.3 Vay dài hạn từ ngân hàng

Nhóm Công ty có các khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm mục đích tài trợ nhu cầu vốn lưu động và các khoản vay dài hạn theo các hiệp định tài trợ khung (Hiệp định vay số 2613-VIE và số 2614-VIE) giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB") nhằm mục đích hỗ trợ tài chính cho Chương trình Cải cách Doanh nghiệp Nhà nước và Hỗ trợ quản trị công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY (tiếp theo)

20.3 Vay dài hạn từ ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm		Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
	VND	USD			
<i>Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II</i>					
Hiệp định vay các Nghiệp vụ Thông thường ("Khoản vay OCR") (i)	50.375.337.007	2.208.166	Ngày 15 tháng 11 năm 2034	1,50	Phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 14.614.280.088 VND
Hiệp định vay các Nghiệp vụ Đặc biệt ("Khoản vay ADF") (ii)	6.643.198.842	287.306	Ngày 15 tháng 11 năm 2041	1,00	và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trị giá 50.000.000.000 VND (Thuyết minh số 11) (Thuyết minh số 6)

TỔNG CỘNG **57.018.535.849** **2.495.472**

Trong đó

Vay dài hạn 1.478.636.726

Vay dài hạn đến hạn trả 55.539.899.123

Theo Hiệp định vay phụ ngày 8 tháng 10 năm 2010 giữa Bộ Tài chính ("BTC") và Nhóm Công ty, BTC sẽ cho Nhóm Công ty vay lại các khoản vay mà BTC vay được từ ADB theo những điều kiện và điều khoản được ADB chấp thuận, chi tiết như sau:

(i) Khoản vay OCR theo Hiệp định vay số 2613-VIE được sử dụng để tài trợ cho các dự án tái cấu trúc tài chính, và tái cấu trúc doanh nghiệp của Nhóm Công ty. Khoản vay được hoàn trả sau 25 năm với lãi suất LIBOR cộng với chênh lệch tại từng thời điểm do ADB thông báo. Tiền lãi và gốc được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 5 và ngày 15 tháng 11 bắt đầu từ ngày 15 tháng 5 năm 2015 đến ngày 15 tháng 11 năm 2034.

(ii) Khoản vay ADF theo Hiệp định vay số 2614-VIE được sử dụng để tài trợ cho các dự án cũng có và tái cấu trúc hoạt động của Nhóm Công ty. Khoản vay được hoàn trả sau 32 năm với lãi suất 1%/năm (trong thời gian ân hạn) và 1,5%/năm trong các năm sau đó. Tiền lãi và gốc được thanh toán hai kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 5 và ngày 15 tháng 11 bắt đầu từ ngày 15 tháng 5 năm 2018 đến ngày 15 tháng 11 năm 2041.

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện chi phí trích trước của khoản trợ cấp thời việc cho nhân viên.



22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	137.803.490.000	-	8.378.540.122	7.276.861.099	12.400.649.915	165.859.541.136
Tăng vốn trong năm	705.552.280.000	(2.033.034.900)	(8.378.540.122)	(7.276.861.099)	(879.428.779)	686.984.415.100
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	11.023.020.000	-	-	-	(11.023.020.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	86.388.224.195	86.388.224.195
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(2.537.586.653)	(2.537.586.653)
Hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	(49.134.125.895)	(49.134.125.895)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(3.784.705)	(3.784.705)
Số cuối năm	854.378.790.000	(2.033.034.900)	-	-	35.210.928.078	887.556.683.178
Năm nay						
Số đầu năm	854.378.790.000	(2.033.034.900)	-	-	35.210.928.078	887.556.683.178
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	388.324.231.990	388.324.231.990
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.710.917.376	(10.157.734.546)	(7.446.817.170)
Giao dịch mua cổ phần với cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(3.606.506.047)	(3.606.506.047)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	-	(904.479.209)	(904.479.209)
Số cuối năm	854.378.790.000	(2.033.034.900)	-	2.710.917.376	408.866.440.266	1.263.923.112.742

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Cổ phiếu

	Số cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	85.437.879	85.437.879
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	85.437.879	85.437.879

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2016: 10.000 VND).

22.3 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	Năm nay	Năm trước (được điều chỉnh lại)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (VND)	388.324.231.991	86.388.224.195
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(10.239.765.746)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	388.324.231.991	76.148.458.449
Số cổ phiếu bình quân lưu hành bình quân (cổ phiếu)	85.437.879	44.632.943
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
- Lãi cơ bản	4.545	1.936
- Lãi suy giảm	4.545	1.936

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm trước đã được điều chỉnh lại so với số
liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2016 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau
thuế chưa phân phối để lại của năm trước theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày
12 tháng 4 năm 2017.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2017 chưa được điều chỉnh giảm cho
khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2017 do chưa có Nghị
quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện
tại.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài
chính hợp nhất này.

22.4 Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông đã công bố và đã trả trong năm		
Cổ tức đã công bố trong năm	-	11.023.020.000
Cổ tức đã trả trong năm	7.744.000	11.584.400
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	-	11.023.020.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	347.213.391.945	13.500.272.519
Tăng do mua các công ty con	-	662.633.133.629
Lợi nhuận trong năm	132.953.763.246	25.067.113.664
Vốn điều lệ đã góp	-	2.624.000.000
Giảm do phân loại sang khoản đầu tư vào công ty liên doanh đồng kiểm soát	-	(2.904.638.653)
Cổ tức đã trả	(95.665.804.500)	(16.691.653.664)
Mua lại cổ phần của cổ đông không kiểm soát tại các công ty con	(129.389.968.953)	(337.246.434.130)
Các khoản khác	(1.680.174.048)	231.598.580
Số cuối năm	253.431.207.690	347.213.391.945

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	1.454.854.769.890	1.261.252.195.496
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	1.436.580.759.266	1.133.064.322.307
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	18.274.010.624	128.187.873.189
Khoản giảm trừ doanh thu		
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	-	(3.443.095.476)
Doanh thu thuần	1.454.854.769.890	1.257.809.100.020
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	1.436.580.759.266	1.133.064.322.307
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	18.274.010.624	124.744.777.713
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 31)</i>	59.832.123.749	61.119.071.302
<i>Doanh thu đối với khách hàng khác</i>	1.395.022.646.141	1.196.690.028.718

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	525.695.858.025	-
Lãi đầu tư chứng khoán	37.776.544.444	-
Lãi tiền gửi	14.393.697.134	9.491.714.663
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.135.282.514	21.134.421.249
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	506.947.464	388.927.620
Khác	75.875.733	58.777.201
TỔNG CỘNG	589.584.205.314	31.073.840.733

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.043.337.432.825	885.160.048.749
Giá vốn của hàng hóa đã bán	131.528.010.804	123.334.359.247
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(411.187.184)	-
TỔNG CỘNG	1.174.454.256.445	1.008.494.407.996

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	49.145.016.796	59.820.036.382
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá các khoản đầu tư	23.663.652.079	(9.090.849.475)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	2.262.015.616	2.052.222.222
Lỗ từ hoạt động ủy thác đầu tư	1.974.236.111	7.654.875.419
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.922.277.596	524.256.516
Khác	1.687.128.861	3.029.503.589
TỔNG CỘNG	80.654.327.059	63.990.044.653

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	91.660.639.986	72.207.933.057
Chi phí lương nhân viên	47.691.095.416	36.422.032.891
Chi phí bán hàng khác	43.969.544.570	35.785.900.166
Chi phí quản lý doanh nghiệp	111.410.952.184	91.922.947.376
Chi phí lương nhân viên	67.662.070.737	53.826.920.015
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 4.3)	10.250.568.400	7.064.511.240
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.603.968.632	2.064.215.160
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	30.894.344.415	28.967.300.961



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.021.190.608.613	876.161.302.597
Giá vốn hàng hóa đã bán	14.789.311.014	123.334.435.438
Chi phí nhân công	194.139.545.370	90.248.952.906
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11 và 12)	112.514.077.294	63.694.594.400
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 4.3)	10.250.568.400	7.064.511.240
Chi phí khác	24.641.737.924	12.121.491.848
TỔNG CỘNG	1.377.525.848.615	1.172.625.288.429

29. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	42.199.764.276	57.418.775.874
Nhận tiền hỗ trợ di dời	21.338.506.701	36.050.598.364
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	18.220.824.319	14.143.661.941
Tiền phạt thu được	982.556.072	-
Thu nhập từ thanh lý quyền sử dụng đất	-	3.009.188.072
Bất lợi thương mại	-	3.289.683.259
Khác	1.657.877.184	925.644.238
Chi phí khác	(1.309.328.178)	(4.422.265.246)
Chi phí nộp phạt	(751.099.304)	(3.696.863.513)
Chi phí khác	(558.228.874)	(725.401.733)
LỢI NHUẬN KHÁC	40.890.436.098	52.996.510.628

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") bằng 20% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	137.375.402.124	30.466.412.279
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	573.807.067	375.146.379
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(5.955.569.677)	(11.607.127.570)
TỔNG CỘNG	131.993.639.514	19.234.431.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Chi phí TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	653.271.634.750	130.689.768.947
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	130.654.326.950	26.137.953.790
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	9.167.693.077	256.438.392
Phần (lãi) lỗ từ công ty liên kết	(5.224.479.825)	2.419.000.583
Dự phòng giảm giá đầu tư	(832.412.000)	-
Phân bổ lợi thế thương mại	2.050.113.680	1.412.902.248
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	-	(657.936.652)
Lỗ của các công ty con	-	20.317.642
Cổ tức nhận được	(2.267.641.700)	(10.391.681.740)
Điều chỉnh khác	(2.115.038.243)	(337.709.554)
Lỗ thuế chuyển tiếp	(12.737.972)	-
Chi phí thuế TNDN năm nay	131.419.823.967	18.859.284.709
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	573.815.547	375.146.379
Chi phí thuế TNDN	131.993.639.514	19.234.431.088

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 Thuế TNDN hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa thực hiện	7.637.846.898	7.416.095.612	221.751.286	7.416.095.612
Chi phí phải trả	(2.348.999.513)	842.025.593	(3.191.025.106)	842.025.593
Dự phòng trợ cấp thời việc	958.330.320	1.146.637.690	(188.307.370)	709.421.490
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	3.117.508.784	(712.269.880)	3.829.778.664	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(71.041.653)	(71.041.653)	-	(71.041.653)
Lãi từ việc đánh giá lại tài sản	(11.627.021.331)	(16.910.393.534)	5.283.372.203	2.710.626.528
TỔNG CỘNG	(2.333.376.495)	(8.288.946.172)	5.955.569.677	11.607.127.570
Trong đó:				
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	9.293.644.836	8.637.480.955		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(11.627.021.331)	(16.926.427.127)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Nhóm Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Liên Doanh Phát Triển Tiếp Vận Số 1	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ Nhận cổ tức	56.374.284.573	61.119.071.302
Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản The Pier	Công ty liên doanh	Doanh thu từ việc nhận hỗ trợ đi đời	-	54.545.454.546
Công ty Liên doanh Keppel Land Watco	Bên liên quan (đến ngày 17 tháng 3 năm 2017)	Nhận cổ tức	10.234.924.115	19.080.049.045
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên doanh	Ứng trước tiền hỗ trợ đi đời	-	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trans	Cổ đồng lớn	Doanh thu từ việc nhận hỗ trợ đi đời	-	18.181.818.182
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ	Xây dựng trung tâm Logistic	80.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	1.652.400.000	-
Cáp điện Cadivi Đồng Nai	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	196.035.976	-
Cáp điện Cadivi miền Bắc	Bên liên quan	Vận chuyển	637.350.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam- Hungari 2	Bên liên quan	Vận chuyển	972.053.200	-
	Bên liên quan	Mua tài sản	38.293.000	-



31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Khoản phải thu và phải trả các bên liên quan vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	6.463.918.325	6.463.918.325
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	111.650.000	-
VICT	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	5.531.486.329	8.150.809.761
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	538.690.140	478.057.289
Cáp điện Cadivi Đồng Nai	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	60.555.000	-
TỔNG CỘNG			12.706.299.794	15.092.785.375
Phải thu ngắn hạn khác				
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	162.662.287	-
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Giao nhận và Vận chuyển Indo Trans	Cổ đồng lớn	Xây dựng trung tâm Logistic	80.000.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Phát triển Bất động sản SORECO	Công ty liên doanh	Nhận tạm ứng hồ trợ di dời	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH Liên danh BNX - Vietranstimex	Bên liên quan	Other payable	816.000.000.00	-
TỔNG CỘNG			40.816.000.000	40.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương, thù lao và thưởng	3.266.475.351	5.355.984.608

32. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty hiện đang thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	33.230.906.308	13.616.066.402
Từ 1 đến 5 năm	108.144.490.482	14.077.047.672
Trên 5 năm	30.626.568.750	50.608.800.000
TỔNG CỘNG	172.001.965.540	78.301.914.074

33. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ:		
- Đô la Mỹ (USD)	632.500	1.341.181
- Đồng Euro (EUR)	5.452	7.321
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	2.190.881.420	624.958.040

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là cung cấp dịch vụ cảng, kho vận, giao nhận vận tải, kinh doanh thương mại (xăng dầu, nhớt), cơ khí đóng tàu, xây dựng và xuất khẩu lao động.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

VND
Tổng cộng

Dịch vụ kho vận,
giao nhận vận tải

Kinh doanh
thương mại

Cơ khí
đóng tàu

Xây dựng

Xuất khẩu
lao động

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Doanh thu bộ phận

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng ra bên ngoài	1.291.511.138.314	132.114.229.207	12.673.974.753	7.807.937.467	10.747.490.149	1.454.854.769.890
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận	124.684.140.538	6.393.367.415				131.077.507.953
	1.416.195.278.852	138.507.596.622	12.673.974.753	7.807.937.467	10.747.490.149	1.585.932.277.843

Đối chiếu:

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận	(131.077.507.953)
Doanh thu trong kỳ	1.454.854.769.890

Lợi nhuận (lỗ) bộ phận **93.371.310.770** **(14.943.528.553)** **(3.183.498.243)** **546.762.111** **2.001.635.123** **77.792.681.208**

Đối chiếu:

Lãi thanh lý khoản đầu tư	(7.035.988.448)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	43.873.266.117
Thu nhập từ ủy thác đầu tư	525.695.858.025
Lãi tiền gửi	37.776.544.444
Chi phí lãi vay	(23.663.652.079)
Phần lãi trong công ty liên doanh và liên kết	14.629.419.356
Dự phòng giảm giá đầu tư	(51.495.704.465)
Doanh thu không phân bổ	42.712.544.697
Chi phí không phân bổ	(6.964.616.779)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	653.320.352.076

Các thông tin bộ phận khác

Khấu hao và hao mòn	89.674.331.984	58.523.203	1.671.202.709	243.720.284	34.323.094	91.682.101.274
Dự phòng phải thu khó đòi	723.019.826	-	-	-	-	723.019.826

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

VND
Tổng cộng

Dịch vụ kho vận,
giao nhận vận tải

Kinh doanh
thương mại

Cơ khí
đóng tàu

Xây dựng

Xuất khẩu
lao động

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Tài sản bộ phận **878.822.426.074** **12.018.537.033** **23.558.167.223** **5.336.759.231** **37.660.493** **919.773.550.054**

Đối chiếu:

Phải thu bộ phận	(17.888.590.020)
Tài sản không phân bổ	1.571.297.549.039
Tổng tài sản	2.473.182.509.073

Nợ phải trả bộ phận **581.977.547.472** **8.982.762.535** **4.758.342.823** **1.065.131.343** **69.184.034.447** **665.967.818.620**

Đối chiếu:

Phải trả bộ phận	(19.004.744.121)
Nợ phải trả không phân bổ	309.038.748.053
Tổng nợ phải trả	956.001.822.552

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau: (tiếp theo)

	VND		
	<i>Dịch vụ kho vận, giao nhận vận tải</i>	<i>Kinh doanh thương mại</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Doanh thu bộ phận			
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng ra bên ngoài	796.218.053.135	214.378.584.892	1.010.596.638.027
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận	-	1.682.276.574	1.682.276.574
	796.218.053.135	216.060.861.466	1.012.278.914.601
<i>Đối chiếu:</i>			
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng giữa các bộ phận			(1.682.276.574)
Doanh thu trong năm			1.010.596.638.027
Lợi nhuận bộ phận	38.345.129.181	5.300.721.010	43.645.850.191
<i>Đối chiếu:</i>			
Lãi tiền gửi			554.450.628
Chi phí lãi vay			(1.831.408.810)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư			(8.312.704.986)
Lợi nhuận kế toán trước thuế			34.056.187.023
Các thông tin bộ phận khác			
Khấu hao và khấu trừ	6.819.844.949	77.945.283	6.897.790.232
Dự phòng phải thu khó đòi	450.980.173	4.246.919.859	4.697.900.032
Chi phí lãi vay	-	282.257.003	282.257.003
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Tài sản bộ phận	193.960.639.598	27.064.600.197	221.025.239.795
<i>Đối chiếu:</i>			
Phải thu bộ phận			(21.088.862.157)
Tài sản không phân bổ			472.075.016.400
Tổng tài sản			672.011.394.038
Nợ phải trả bộ phận	93.790.723.922	5.975.738.040	99.766.461.962
<i>Đối chiếu:</i>			
Phải trả bộ phận			(21.088.862.157)
Nợ phải trả không phân bổ			413.973.980.578
Tổng nợ phải trả			492.651.580.383

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. SỰ KIẾN QUAN TRỌNG TRONG KỶ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 22 tháng 6 năm 2017, 5 nhà kho của Nhóm Công ty tại số 1/7 Bis Hoàng Diệu, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam đã bị hư hỏng do hỏa hoạn. Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Nhóm Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên có liên quan để xác định tổng thiệt hại và hoàn tất các thủ tục cần thiết để nhận được tiền bồi thường, do đó, tổng thiệt hại và các khoản bồi thường là chưa xác định được.

36. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất.


Nguyễn Thị Thu Trang
Người lập


Phạm Tường Minh
Kế toán trưởng


Đặng Vũ Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2018



PHẦN 6

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT:

1.1. Tỷ lệ nắm giữ cổ phần: (tại thời điểm 31/12/2017)

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số lượng CP sở hữu
1	Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch HĐQT	0
2	Lê Bá Thọ	P.Chủ tịch HĐQT	0
3	Đặng Vũ Thành	Thành viên HĐQT / Tổng Giám Đốc	74.588
4	Đỗ Hoàng Phương	Thành viên HĐQT	0
5	Trần Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	0
6	Trần Quyết Thắng	Thành viên HĐQT	6.108
7	Trần Văn Thịnh	Thành viên HĐQT / P.Tổng Giám Đốc	1
8	Phạm Tường Minh	Kế toán trưởng	22.888
9	Nguyễn Thị Oanh	Trưởng BKS	0
10	Trần Thị Thanh Bình	Thành viên BKS	0
11	Ngô Thị Thanh Thủy	Thành viên BKS	0
12	Nguyễn Vũ Hoài Ân	Thành viên BKS	0

2. CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG:

2.1. Cơ cấu vốn cổ đông: (tại thời điểm 31/12/2017)

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng sở hữu	Giá trị (đvt: 1000đ)	Tỷ lệ	Số lượng sở hữu	Giá trị (đvt: 1000đ)	Tỷ lệ	Số lượng sở hữu	Giá trị (đvt: 1000đ)	Tỷ lệ
I. Tổng số vốn chủ sở hữu	84.988.696	849.886.960	99,47%	449.183	4.491.830	0,53%	85.437.879	854.378.790	100%
1. Cổ đông Nhà nước									
2. Cổ đông đặc biệt									
- Hội đồng quản trị	80.697	806.970	0,09%				80.697	806.970	0,09%
- Ban Tổng Giám đốc (*)									
- Ban kiểm soát									
- Kế Toán Trưởng	22.888	228.880					22.888	228.880	0,03%
3. Cổ đông khác									
- Cá nhân	9.457.575	94.575.750	11,07%	79.301	793.010	0,09%	9.536.876	95.368.760	11,16%
- Tổ chức	75.427.536	754.275.360	88,28%	369.882	3.698.820	4,33%	75.797.418	757.974.180	88,72%
II. Cổ phiếu quỹ.	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú: (*): không bao gồm cổ đông là thành viên HĐQT

2.2. Cơ cấu tỷ lệ sở hữu:

Danh mục	Cổ đông trong nước			Cổ đông nước ngoài			Tổng		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (đvt: 1,000vnd)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu.	Giá trị (đvt: 1,000vnd).	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu	Giá trị (đvt: 1,000vnd)	Tỷ lệ (%)
Tổng vốn chủ sở hữu	84.988.696	849.886.960	99,47%	449.183	190.100	0,53%	85.437.879	83.518.570	100%
Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	75.233.475	752.334.750	88,06%	-	-	-	75.233.475	752.334.750	88,06%
Cổ đông sở hữu từ 1% đến 5% cổ phiếu có quyền biểu quyết	2.123.770	21.237.700	2,49%	-	-	-	2.123.770	21.237.700	2,82%
Cổ đông nắm giữ dưới 1% cổ phiếu có quyền biểu quyết	7.631.451	76.314.510	8,93%	449.183	4.491.830	0,53%	8.080.634	80.806.340	380,49%



CÔNG TY CP KHO VẬN MIỀN NAM

Địa chỉ: 1B Hoàng Diệu, Quận 4, TP. HCM, Việt Nam

Điện thoại: (84.28) 3825 3009 - Fax: (84.28) 3826 6593

Email: info@sotrans.com.vn - Website: www.sotrans.com.vn